**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

--------□□□□--------



**ĐỀ ÁN THÀNH LẬP**

**TRƯỜNG CÔNG NGHỆ**

**ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

**NĂM - 2023**

MỤC LỤC

[MỤC LỤC](#_Toc165712117)

[DANH MỤC BẢNG](#_Toc165712118)

[DANH MỤC SƠ ĐỒ](#_Toc165712119)

[PHẦN I: CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ PHÁP LÝ THÀNH LẬP TRƯỜNG CÔNG NGHỆ 1](#_Toc165712120)

[1.1. Sự cần thiết của việc thành lập Trường Công nghệ 1](#_Toc165712121)

[1.1.1. Tác động của toàn cầu hóa và công nghệ đến quản trị đại học và sự thay đổi của giáo dục đại học trên thế giới 1](#_Toc165712122)

[1.1.2. Cơ chế tự chủ và sự đổi mới của giáo dục đại học ở Việt Nam 3](#_Toc165712123)

[1.1.3. Truyền thống và tiềm năng phát triển của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân 6](#_Toc165712124)

[1.2. Mục tiêu của việc thành lập Trường Công nghệ 7](#_Toc165712125)

[1.3. Cơ sở pháp lý của việc thành lập Trường Công nghệ 8](#_Toc165712126)

[PHẦN II: TỔNG QUAN VỀ CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA THÀNH LẬP TRƯỜNG CÔNG NGHỆ 10](#_Toc165712127)

[2.1. Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số 10](#_Toc165712128)

[2.2. Khoa Toán Kinh tế 11](#_Toc165712129)

[2.3. Khoa Thống kê 12](#_Toc165712130)

[2.4. Tổng Quy mô đào tạo của Trường Công nghệ 2022-2023 13](#_Toc165712131)

[2.5. Đội ngũ cán bộ hiện tại 13](#_Toc165712132)

[PHẦN III: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA TRƯỜNG CÔNG NGHỆ 14](#_Toc165712133)

[3.1. Mô hình tổ chức Trường Đại học Kinh tế Quốc dân 14](#_Toc165712134)

[3.1.1. Mô hình tổ chức 3 cấp 14](#_Toc165712135)

[3.1.2. Các giai đoạn thực hiện tái cấu trúc 15](#_Toc165712136)

[3.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị cấu thành 16](#_Toc165712137)

[3.2. Cơ cấu tổ chức của Trường Công nghệ 18](#_Toc165712138)

[3.2.1. Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận cấp Trường 20](#_Toc165712139)

[3.2.2. Chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị cấu thành 21](#_Toc165712140)

[3.3. Cơ chế quản lý của Trường Công nghệ 30](#_Toc165712141)

[PHẦN IV: MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 33](#_Toc165712142)

[4.1. Quy mô và ngành đào tạo 33](#_Toc165712143)

[4.2. Nâng cao năng lực và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và tư vấn 33](#_Toc165712144)

[4.3. Phát triển đội ngũ cán bộ 34](#_Toc165712145)

[4.4. Tăng cường cơ sở vật chất 34](#_Toc165712146)

[PHẦN V: LỘ TRÌNH THỰC HIỆN 39](#_Toc165712147)

[5.1. Kế hoạch năm 2023 39](#_Toc165712148)

[5.2. Kế hoạch năm 2024 39](#_Toc165712149)

[5.3. Kế hoạch năm 2025 39](#_Toc165712150)

[5.4. Định hướng phát triển sau năm 2025 40](#_Toc165712151)

[PHẦN VI: PHỤ LỤC 41](#_Toc165712152)

[PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG (Tại thời điểm 19/11/2023)](#_Toc165712153) [TRƯỜNG CÔNG NGHỆ (95 viên chức và người lao động. Trong đó có 89 giảng viên cơ hữu; 5 trợ lý, văn thư,](#_Toc165712154) [1 nghiên cứu viên chính) 41](#_Toc165712155)

[Phụ lục 2: Danh mục ngành và chương trình đào tạo hiện nay của các đơn vị tham gia thành lập Trường Công nghệ 48](#_Toc165712156)

[Phụ lục 3: Trích lục Mô hình tổ chức Đại học Kinh tế Quốc dân 50](#_Toc165712157)

[Phụ lục 4: Phân cấp tổ chức đào tạo của Đại học Kinh tế Quốc dân 51](#_Toc165712158)

[Phụ lục 5: Phân cấp quản lý tài chính của Đại học Kinh tế Quốc dân 55](#_Toc165712159)

DANH MỤC BẢNG

[Bảng 4.1a. Dự kiến quy mô tuyển sinh đại học chính quy giai đoạn 2024 - 2030 35](#_Toc165712095)

[Bảng 4.1b. Dự kiến quy mô đào tạo đại học chính quy giai đoạn 2024 - 2030 35](#_Toc165712096)

[Bảng 4.2a. Dự kiến quy mô tuyển sinh Thạc sĩ giai đoạn 2024 - 2030 (tăng 10%/năm) 36](#_Toc165712097)

[Bảng 4.2b. Dự kiến quy mô đào tạo Thạc sĩ giai đoạn 2024 - 2030 36](#_Toc165712098)

[Bảng 4.3a. Dự kiến quy mô tuyển sinh Tiến sĩ giai đoạn 2024 - 2030 (tăng 10%/năm) 37](#_Toc165712099)

[Bảng 4.3b. Dự kiến quy mô đào tạo Tiến sĩ giai đoạn 2024 - 2030 37](#_Toc165712100)

[Bảng 4.4. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của giai đoạn 2024 - 2030 (tăng khoảng 7-10%/năm) 38](#_Toc165712101)

DANH MỤC SƠ ĐỒ

[Sơ đồ 3.1. Mô hình cơ cấu tổ chức Trường Công nghệ 19](#_Toc165712110)

PHẦN I:  
 CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ PHÁP LÝ THÀNH LẬP   
TRƯỜNG CÔNG NGHỆ

1.1. Sự cần thiết của việc thành lập Trường Công nghệ

1.1.1. Tác động của toàn cầu hóa và công nghệ đến quản trị đại học và sự thay đổi của giáo dục đại học trên thế giới

Quá trình toàn cầu hóa làm gia tăng mạnh mẽ sự tác động, sự phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các quốc gia trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội, tạo ra những biến đổi và những mối liên hệ phổ biến trên phạm vi toàn cầu. Trong lĩnh vực giáo dục đại học, quá trình quốc tế hóa, toàn cầu hóa ngày càng trở nên mạnh mẽ.

Khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ dẫn đến sự bùng nổ tri thức trên phạm vi toàn cầu. Từ đó dẫn đến hoạt động sản xuất-kinh doanh và mọi lĩnh vực đời sống văn hóa, giáo dục phải đổi mới nhanh chóng về nhận thức cũng như lối sống của cộng đồng. Để tránh khỏi lạc hậu, thích ứng kịp thời với sự thay đổi từng ngày, từng giờ của sản xuất cũng như đời sống, cá nhân và cộng đồng, không thể không trang bị những kiến thức, kĩ năng mới, điều chỉnh ứng xử phù hợp với những cái mới đang liên tục xuất hiện.

Cùng với sự phát triển hết sức nhanh chóng của khoa học và công nghệ dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số đã và đang trở thành xu hướng lớn, tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực của đời sống xã hội. Về bản chất, nó là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi tổng thể và toàn diện cách sống, làm việc và phương thức sản xuất. Nói cách khác, chuyển đổi số là quá trình chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình số bằng cách ứng dụng các công nghệ mới như dữ liệu lớn, Internet kết nối vạn vật (IoT), điện toán đám mây,… và các phần mềm công nghệ để thay đổi phương thức quản lý, điều hành, thay đổi quy trình, phương thức làm việc và thay đổi văn hóa tổ chức.

Bối cảnh phức tạp đòi hỏi các tổ chức, các doanh nghiệp ở tất cả các quốc gia trên thế giới phải liên tục đổi mới, sáng tạo và sẵn sàng thay đổi để thích ứng với những biến động trong môi trường quốc tế. Môi trường kinh doanh trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi các doanh nghiệp phải ra quyết định rất nhanh chóng, kịp thời nhưng cần giảm thiểu rủi ro. Tốc độ thay đổi công nghệ nhanh chưa từng có không chỉ tạo cơ hội cho doanh nghiệp phát triển mà còn tạo ra sức ép cạnh tranh to lớn đối với doanh nghiệp. Hơn bao giờ hết, nguồn nhân lực chất lượng cao có vai trò đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với các doanh nghiệp. Một số xu thế phát triển ngành công nghệ thông tin hiện đại đang hiện hữu và làm thay đổi thế giới một cách vượt bậc không thể phủ nhận đó là: Điện toán đám mây; Ứng dụng điện thoại di động và máy tính bảng; Công nghệ thông minh, tự động hóa; Internet kết nối vạn vật (IoT); Trí tuệ nhân tạo (AI) và Bảo mật thông tin; Công nghệ Blockchain; và Công nghệ thực tế ảo….

Tăng trưởng kinh tế và sự phồn thịnh của đất nước sẽ được thúc đẩy trên nền tảng đổi mới, sáng tạo và việc áp dụng những tiến bộ công nghệ vào trong mọi mặt hoạt động kinh tế xã hội. Quá trình chuyển đổi số đang diễn ra với vận tốc nhanh hơn hầu hết những thay đổi khác trong tất cả các loại hình tổ chức. Dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo đang ngày càng trở nên quen thuộc với các thành viên trong xã hội. Những tiến trình đổi mới này đòi hỏi, một mặt, là các cán bộ quản lý cũng cần có sự am hiểu, vận dụng sáng tạo các thành tựu công nghệ vào trong các hoạt động quản lý, quản trị và kinh doanh. Mặt khác, nó đòi hỏi các kỹ sư công nghệ phải có những kiến thức nền tảng về các lĩnh vực kinh tế kinh doanh để các ứng dụng công nghệ mới sẽ phù hợp hơn, khả thi hơn.

Sự chuyển đổi giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học trong kỷ nguyên số 4.0 là quá trình chuyển từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Sự vươn lên và phổ biến của Internet vạn vật đã giúp người học chủ động tiếp cận nguồn tri thức ở tất cả mọi lĩnh vực. Người học được phát triển tối đa tư duy sáng tạo, trở thành trung tâm trong một không gian giáo dục mở, chủ động và toàn cầu. Phương thức giáo dục sẽ thay đổi đòi hỏi một bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả và chất lượng, sản phẩm đầu ra có tính thích ứng và linh hoạt trên thị trường.

Trước những bối cảnh đó, việc thay đổi và chuẩn hóa mô hình Quản trị đại học, phù hợp với mô hình chung của các đại học trên thế giới, với xu thế phát triển của xã hội đóng vai trò hết sức quan trọng. Quản trị đại học luôn được coi là đòn bẩy để cải thiện chất lượng giáo dục tại mỗi quốc gia, là công cụ hiệu quả giúp các cơ sở giáo dục đại học đạt được sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược của mình.

Mô hình quản trị đại học tinh gọn, thông minh và đổi mới sáng tạo trong kỷ nguyên số 4.0 là một xu thế tất yếu, trong đó, yếu tố đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp là triết lý, mục tiêu và phương thức tạo ra giá trị gia tăng, yếu tố thông minh là nền tảng và điều kiện tổ chức thực hiện. Xu hướng chuyển sang mô hình quản trị đại học thông minh, trong đó tất cả các bên liên quan từ Hội đồng đại học, trường thành viên, giảng viên và nhân viên đều tích cực chia sẻ trách nhiệm, cùng theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững của tổ chức.

Đại học thông minh, gắn liền với đó là giáo dục thông minh, một hệ thống giáo dục đa ngành, lấy sinh viên làm trọng tâm. Chương trình đào tạo được đổi mới có tính liên ngành, xuyên ngành cao và gắn với ứng dụng công nghệ tiên tiến. Đi liền với sự đổi mới chương trình đào tạo là công nghệ dạy và học mới, gắn với chuyển đổi số, và cá nhân hóa học tập tuyệt đối. Một hệ sinh thái giáo dục có tính chủ động, sáng tạo và kết nối. Chương trình học được thiết kế đáp ứng đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản để người học dễ dàng thích ứng trong tất cả các môi trường sáng tạo và cạnh tranh. Chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu: các kiến thức và kỹ năng tư duy phản biện, khả năng ứng phó với thay đổi, khả năng làm việc sáng tạo; kỹ năng về thể chất: kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng về xã hội: giao tiếp, ứng xử, giải quyết xung đột, làm việc theo nhóm, tạo lập và duy trì quan hệ… Tính liên ngành, xuyên ngành trong thiết kế chương trình đào tạo là yếu tố then chốt làm thay đổi căn bản tư duy trong giáo dục đại học tương lai.

Xu hướng thay đổi mô hình quản trị đại học gắn liền với nó là thay đổi mô hình đại học hướng tới tính tự chủ đại học, tuy nhiên mỗi một quốc gia, ở mỗi thể chế chính trị khác nhau, mức độ tự chủ sẽ khác nhau. Nghiên cứu về mô hình đại học các nước có nền giáo dục lâu đời như Anh, Pháp, Úc và Trung Quốc cho thấy xu hướng, việc giữ trong tay một nền tài chính vững mạnh, độc lập sẽ giúp các Đại học chủ động hơn trong việc nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô hoạt động, nâng tầm ảnh hưởng với xã hội, đồng thời hỗ trợ cho các nhu cầu nghiên cứu và phát triển trong các hoạt động kinh tế xã hội của đất nước.

Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học phải được thực hiện trong các điều kiện của mối quan hệ thị trường và cạnh tranh toàn cầu ngày càng gia tăng. Vì vậy đòi hỏi các trường phải có trách nhiệm và đặt trọng tâm vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả hoạt động, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu biến đổi của thị trường và sự cạnh tranh ngày càng khắc nhiệt giữa các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước. Tự chủ của các trường trong đại học về mặt bản chất không có gì khác ngoài việc thực hiện mục tiêu tự thân vận động để tồn tại và phát triển trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt của môi trường giáo dục toàn cầu hóa.

1.1.2. Cơ chế tự chủ và sự đổi mới của giáo dục đại học ở Việt Nam

Tự chủ đại học là một thuộc tính vốn có của các trường đại học trên thế giới và là nền tảng để các trường đại học tự do phát triển và sáng tạo. Cơ chế tự chủ đòi hỏi các trường đại học phải nâng cao hiệu quả hoạt động, tự chủ và tự chịu trách nhiệm giải trình đối với hoạt động của mình. Vì vậy, tăng cường tự chủ toàn diện, xoá bỏ các ràng buộc hành chính để các trường tự lập, tự quyết và tự chịu trách nhiệm giải trình là nhu cầu tất yếu để thúc đẩy phát triển đối với giáo dục đại học ở nước ta.

Trên thế giới, mô hình đại học tự chủ được nhìn nhận là phương thức quản trị đại học tiên tiến nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Ở Việt Nam, tự chủ đại học đã có nhiều chuyển biến tích cực trong thời gian qua. Sự chuyển biến này xuất phát từ đòi hỏi khách quan, xu thế phát triển của GDĐH và được thúc đẩy bởi chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Luật Giáo dục năm 2005 khẳng định chủ trương của Nhà nước về tự chủ tại các cơ sở giáo dục đại học công lập khi Nhà nước tập trung quản lý chất lượng giáo dục, thực hiện phân công, phân cấp quản lý giáo dục, tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục.

Luật Giáo dục đại học năm 2012 một lần nữa khẳng định quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam; cụ thể tại Điều 32: “Cơ sở GDĐH tự chủ trong các hoạt động chủ yếu thuộc các lĩnh vực tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ ở mức độ cao hơn phù hợp với năng lực, kết quả xếp hạng và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục”.

Chủ trương tự chủ đại học là chủ trương nhất quán và xuyên suốt của Đảng: Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI (Nghị quyết 29) yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế với những định hướng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trong từng lĩnh vực. Chủ trương tự chủ được khẳng định tại Nghị quyết: “Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò của Hội đồng Trường”.

Trên cơ sở Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012, Nghị quyết 29, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017. Nghị quyết cụ thể hoá các nội dung về quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trường đại học trong khuôn khổ pháp lý được quy định của pháp luật hiện hành.

Kế thừa các quy định đã phát huy hiệu quả, thực tiễn triển khai Nghị quyết số 77/NQ-CP, Quốc hội ban hành Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (Luật số 34). Luật số 34 là cơ sở pháp lý quan trọng thúc đẩy các cơ sở giáo dục đại học trong cả nước thực hiện quyền tự chủ sâu và rộng hơn nữa. Đồng thời, quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học phải gắn liền với trách nhiệm giải trình để các bên liên quan và xã hội giám sát.

Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục năm 2018, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 7/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập đã có qui định cụ thể giao cho các Trường tự xây dựng và phê duyệt cơ chế tự chủ, báo cáo cơ quan chủ quản.

Quyền tự chủ của các cơ sở Giáo dục đại học được quy định rõ tại khoản 11, Điều 4 của Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 chỉ rõ : Quyền tự chủ là quyền của cơ sở giáo dục đại học được tự xác định mục tiêu và lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu; tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của cơ sở giáo dục đại học”. Thành lập trường là đơn vị đào tạo thuộc cơ sở giáo dục đại học được Luật Giáo dục đại học quy định rõ và trong khoản 4, Điều 4 của Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học “Trường là đơn vị đào tạo thuộc cơ sở giáo dục đại học, do hội đồng trường, hội đồng đại học quyết định việc thành lập theo quy định của Chính phủ, tổ chức và hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học”.

Những thay đổi mang tính cách mạng này về mặt pháp lý đã và đang mang lại những kết quả hết sức tích cực. Giáo dục đại học Việt Nam đã đạt được bước tiến quan trọng trong một số lĩnh vực, đặc biệt với những bước chuyển mình mạnh mẽ trong quản trị đại học, tự chủ và trách nhiệm giải trình, và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu.

Những thay đổi quan trọng về mắt pháp lý đó đang tạo ra những cơ hội hết sức to lớn cho các cơ sở giáo dục đại học công lập trong việc chuyển đổi mô hình quản trị của mình phù hợp với mô hình quản trị của các đại học khác trên thế giới, phù hợp với xu hướng phát triển và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và cải thiện chất lượng giáo dục.

Trong quá trình chuyển đổi mô hình quản trị đó, việc chuyển đổi sang các mô hình đại học đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm các Trường thành viên thuộc Đại học là đòi hỏi tất yếu nhằm đạt được sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược cũng như có thể tồn tại trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ và bắt kịp với xu hướng phát triển của giáo dục đại học trên thế giới.

1.1.3. Truyền thống và tiềm năng phát triển của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân được thành lập ngày 25 tháng 1 năm 1956 (theo Nghị định số 678/TTg). Trải qua gần 70 năm hình thành và phát triển, Trường ĐHKTQD luôn không ngừng đổi mới về tổ chức hoạt động để thích nghi với những điều kiện mới và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong từng thời kỳ. Nhờ đổi mới tổ chức bộ máy và hoạt động mà trường ĐHKTQD đã trở thành trường trọng điểm quốc gia, trường đầu ngành trong khối các trường kinh tế, quản trị kinh doanh. Trường đã thực hiện tốt các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ xã hội và hội nhập quốc tế.

Trường ĐHKTQD là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu, giàu truyền thống bậc nhất Việt Nam về đào tạo, nghiên cứu và tư vấn các lĩnh vực kinh tế, quản lý và kinh doanh. Vị thế của Nhà trường trong xã hội được khẳng định mạnh mẽ qua một đội ngũ cán bộ, giảng viên, cán bộ nghiên cứu và tư vấn có chất lượng; một hệ thống các chương trình, ngành nghề đào tạo phong phú, chất lượng cao đáp ứng bắt kịp với nhu cầu của thị trường lao động và đòi hỏi của sự nghiệp phát triển đất nước; một cơ sở vật chất hiện đại hàng đầu cả nước và tương đương như các trường đại học trên thế giới; sự đánh giá rất cao của thị trường, của xã hội về chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; một mạng lưới cựu sinh viên, học viên thành đạt và đáng tự hào nhất trong các trường đại học Việt Nam với rất nhiều cựu sinh viên, học viên là những doanh nhân tiêu biểu, những nhà quản lý xuất sắc là chủ sở hữu, lãnh đạo của các doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam. Có thể nhận thấy dấu ấn của ĐHKTQD ở hầu hết các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực, mọi ngành nghề, mọi vùng miền Tổ quốc và mọi giai đoạn phát triển của đất nước.

Trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, sự thâm nhập của công nghệ vào tất cả những khía cạnh của các lĩnh vực đào tạo hiện nay của Trường đang diễn ra một cách mạnh mẽ. Nguồn nhân lực chất lượng cao có vai trò đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với các doanh nghiệp, các tổ chức, các cơ quan quản lý nhà nước. Những xu thế phát triển của của công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin hiện nay đòi hỏi các cán bộ quản lý có sự am hiểu, vận dụng sáng tạo các thành tựu công nghệ vào trong các hoạt động quản lý, quản trị và kinh doanh. Ngược lại các kỹ sư công nghệ cần phải có những kiến thức nền tảng về các lĩnh vực kinh tế kinh doanh để các ứng dụng công nghệ mới trên nên khả thi và hiệu quả hơn.

Xuất phát từ những tác động mạnh mẽ của công nghệ đến giáo đục đại học hiện nay, sự thay đổi của môi trường pháp lý và những hạn chế trong mô hình tổ chức hiện tại của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, việc tái cấu trúc lại một số đơn vị có tiềm năng trong lĩnh vực công nghệ theo hướng tập trung vào các ngành đào tạo liên quan trực tiếp đến công nghệ thông tin là bước đi tất yếu trong quá trình phát triển của Đại học Kinh tế Quốc dân trong thời đại công nghệ.

Trong Đề án xây dựng mô hình Đại học Kinh tế Quốc dân được Hội đồng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã thông qua (Nghị Quyết số 06/NQ-HĐT ngày 29/7/2022) đã nêu rõ việc tái cấu trúc các đơn vị khoa/viện để hình thành 3 Trường (Kinh tế hoặc Kinh tế và Quản lý công, Kinh doanh và Công nghệ) trong giai đoạn 2023-2025 và các Trường thành viên khác giai đoạn sau 2025. Từ đó tiến tới thành lập Đại học Kinh tế Quốc dân vào năm 2025.

Trong số 3 trường hình thành theo đề án này, Trường Công nghệ được hình thành trên cơ sở tập hợp các đơn vị khoa/viên chuyên môn (Khoa Toán Kinh tế, Khoa Thống kê và Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số) có tiềm năng và chuyên môn gần với lĩnh vực công nghệ nhằm khắc phục những nhược điểm của mô hình tổ chức hiện tại và từ đó tập trung được nguồn lực chuyên môn trong cùng lĩnh vực phục vụ cho mục tiêu phát triển.

Việc thành lập và phát triển Trường Công nghệ là một bước tiến quan trọng để phát triển Đại học Kinh tế Quốc dân thành một Đại học đa ngành, đa lĩnh vực; bắt kịp với những xu hướng mới trong đào tạo đại học; tiếp nối và phát triển truyền thống đào tạo cán bộ quản lý kinh tế vĩ mô, các chính khách hàng đầu của ĐHKTQD trong thời đại mới. Đây cũng là một một trong những ưu tiên quan trọng hàng đầu đối với ĐHKTQD trong thời gian tới, là điều kiện tiền đề để đưa ĐHKTQD thành Đại học Kinh tế Quốc dân vào năm 2025.

1.2. Mục tiêu của việc thành lập Trường Công nghệ

+ Đón đầu xu hướng thâm nhập của công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, vào các lĩnh vực đào tạo về kinh tế, quản lý và kinh doanh. Trang bị cho các sinh viên, học viên trong toàn Đại học Kinh tế Quốc dân những kiến thức, kỹ năng về ứng dụng công nghệ trong quản lý và quản trị kinh doanh.

+ Mở rộng lĩnh vực đào tạo của Đại học Kinh tế Quốc dân sang đào tạo các kỹ sư công nghệ (đặc biệt là công nghệ thông tin) có hiểu biết sâu sắc về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh. Phát triển lĩnh vực này thành lợi thế của Đại học Kinh tế Quốc dân so với các cơ sở giáo dục đại học khác đào tạo về công nghệ thuần túy.

+ Tập trung nguồn lực của các đơn vị có tiềm năng, thế mạnh liên quan đến lĩnh vực công nghệ để phát huy tối đa lợi thế của Đại học Kinh tế Quốc dân trong đào tạo các kỹ sư công nghệ có có kiến thức, kỹ năng về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh.

+ Hình thành và phát triển ĐHKTQD theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực - nhằm thực hiện được các mục tiêu mà Chiến lược phát triển Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2021-2030 đặt ra.

+ Góp phần nâng cao hiệu quả quản trị đại học trên cơ sở đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin và giảm thiểu các cấp quản lý hành chính trung gian. Định hướng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, các khoa/viên chuyên môn vào việc chỉ tập trung vào chuyên môn khoa học của mình, không thực hiện các công việc hành chính.

+ Trường Công nghệ phấn đấu trở thành đơn vị tiên phong, dẫn đầu cả nước về đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới ứng dụng trong kinh tế, quản lý và kinh doanh. Thực hiện phương châm làm chủ công nghệ thông qua chủ động, sáng tạo và có tầm nhìn và quyết đoán.

+ Trong vòng 5 năm, trở thành đơn vị trong top 3 cả nước về nghiên cứu, đào tạo các ngành liên quan đến trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu. Những tiêu chí đánh giá chủ yếu là công bố quốc tế, chất lượng đầu vào, giải cao trong các cuộc thi lập trình Olympic tin học quốc gia, quốc tế và vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp.

+ Phát huy và giữ vững vai trò của một trong những đại học hàng đầu của Việt Nam trên cơ sở phát huy những thế mạnh truyền thống của ĐHKTQD, đồng thời kết hợp hiệu quả với những nguồn lực mới. Xây dựng một đội ngũ các nhà khoa học hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ, có uy tín trong công bố nghiên cứu quốc tế đồng thời có đủ năng lực tư vấn cho các doanh nghiệp và tổ chức về các vấn đề chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông minh, công nghệ AI, Blockchain trong quản lý và quản trị kinh doanh.

+ Đổi mới hệ thống các ngành đào tạo và phương thức đào tạo hướng tới một môi trường học tập thuận lợi nhằm phát huy những phẩm chất tốt nhất của mỗi một cá nhân người học.

1.3. Cơ sở pháp lý của việc thành lập Trường Công nghệ

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13;

Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học;

Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học;

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 7/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị đinh 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị quyết số 01 - NQ/ĐUT ngày 30/7/2020 của Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Khóa XXVIII nhiệm kỳ 2021-2025;

Nghị Quyết 767 - NQ/ĐU ngày 24/4/2023 của Đảng ủy Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về chủ trương sáp nhập Khoa Quản trị kinh doanh và Viện Quản trị Kinh doanh thành một đơn vị;

Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2021 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 314/QĐ-ĐHKTQD ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng;

Nghị Quyết số 06/NQ-HĐT ngày 29/7/2022 của Hội đồng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc thông qua Đề án xây dựng mô hình Đại học Kinh tế Quốc dân;

Đề án xây dựng mô hình Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 568/QĐ-ĐHKTQD ngày 31/8/2022 của Hiệu trưởng.

PHẦN II:   
TỔNG QUAN VỀ CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA THÀNH LẬP TRƯỜNG CÔNG NGHỆ

Trường Công nghệ được thành lập trên cơ sở 3 đơn vị hiện tại của ĐHKTQD và tái cấu trúc hình thành một số đơn vị mới:

1. Viện Công nghệ thông tin và kinh tế số (Viện CNTT&KTS)
2. Khoa Toán kinh tế
3. Khoa Thống kê

2.1. Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số

*Quá trình phát triển:* Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số được thành lập ngày 11 tháng 01 năm 2019 trên cơ sở sắp xếp lại hai đơn vị: Khoa Tin học Kinh tế và Viện Công nghệ thông tin Kinh tế (tiền thân là Bộ môn Công nghệ thông tin được thành lập từ năm 2005, với chuyên ngành đào tạo đầu tiên là Khoa học máy tính) thuộc trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

*Đội ngũ giảng viên, chuyên viên:* Số lượng viên chức và người lao động cơ hữu của Viện là 30 người (28 giảng viên cơ hữu). *Đội ngũ cán bộ, giảng viên: 1 PGS. 12 TS, 15 Ths. và* 2 *chuyên viên hành chính.*

*Các bộ môn, đơn vị trực thuộc*: Hiện nay Viện Công nghệ Thông tin và Kinh tế số có 03 bộ môn, 01 trung tâm và văn phòng Viện.

* Bộ môn Công nghệ thông tin;
* Bộ môn Hệ thống thông tin quản lý;
* Bộ môn Tin học kinh tế;
* Trung tâm Đào tạo và Tư vấn CNTT;
* Văn phòng Viện.

*Các ngành và chương trình đào tạo:* Viện đang đào tạo ở tất cả các bậc đào tạo: Đại học, Thạc sĩ và Tiến sỹ.

**Đào tạo đại học:** có 03 ngành với 04 Chương trình đào tạo (CTĐT)

* Ngành Công nghệ thông tin và CTĐT CLC Công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Viện AEP);
* Ngành Khoa học máy tính;
* Ngành Hệ thống thông tin quản lý.

**Đào tạo thạc sĩ:** 01 ngành với 01 Chương trình đào tạo: Ngành Hệ thống thông tin quản lý, CTĐT thạc sĩ Hệ thống thông tin quản lý

**Đào tạo tiến sĩ:** 01 ngành với 01 Chương trình đào tạo: Ngành Hệ thống thông tin quản lý, CTĐT tiến sĩ Hệ thống thông tin quản lý

**Quy mô tuyển sinh và Quy mô đào tạo năm 2022-2023**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bậc đào tạo | Quy mô năm 2022 | | Quy mô năm 2023 | |
| Tuyển sinh | Đào tạo | Tuyển sinh | Đào tạo |
| Đại học | 322 | 1166 | 378 | 1248 |
| Thạc sĩ | 18 | 22 | 18 | 30 |
| Tiến sĩ | 3 | 18 | 1 | 15 |

2.2. Khoa Toán Kinh tế

*Quá trình phát triển*: Khoa Toán kinh tế được thành lập năm 1968, trên cơ sở Bộ môn Toán kinh tế (thành lập năm 1962). Khoa Toán kinh tế hiện có ba bộ môn và một trung tâm: Bộ môn Toán Kinh tế, Toán Cơ bản, Toán Tài chính và Trung tâm Xử lý dữ liệu kinh tế xã hội và Dự báo.

*Đội ngũ giảng viên, chuyên viên*: Số lượng viên chức và người lao động cơ hữu của Khoa là 50 người (48 giảng viên cơ hữu, 1 nghiên cứu viên chính) - *1 GS, 1 PGS, 18 TS, 27 Ths. và* 1 *chuyên viên văn phòng.*

*Các bộ môn, đơn vị trực thuộc*: Hiện nay, Khoa Toán Kinh tế có 03 bộ môn và 1 Trung tâm:

* Bộ môn Toán cơ bản;
* Bộ môn Toán Tài chính;
* Bộ môn Toán kinh tế;
* Trung tâm Phân tích dữ liệu Kinh tế- Xã hội.

*Các ngành và chương trình đào tạo*: Khoa đang đào tạo ở tất cả các bậc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

**Đào tạo đại học:** Ngành Toán Kinh tế với 04 CTĐT.

* CTĐT Toán kinh tế (chuyên sâu Toán kinh tế và Toán tài chính);
* CTĐT Định phí Bảo hiểm và Quản trị rủi ro (Actuary) học bằng Tiếng Anh;
* CTĐT Khoa học Dữ liệu trong Kinh tế và Kinh doanh (DESB) học bằng Tiếng Anh;
* CTĐT liên thông Cử nhân - Thạc sỹ Actuary, liên kết với ĐH Lyon 1 - Pháp.

**Đào tạo thạc sĩ:** 01 ngành với 01 Chương trình đào tạo: Ngành Kinh tế học, CTĐT thạc sĩ Toán Kinh tế - Tài chính

**Đào tạo tiến sĩ:** 01 ngành với 01 Chương trình đào tạo: Ngành Kinh tế học, CTĐT tiến sĩ Toán kinh tế

**Quy mô tuyển sinh và Quy mô đào tạo năm 2022-2023**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bậc đào tạo | Quy mô năm 2022 | | Quy mô năm 2023 | |
| Tuyển sinh | Đào tạo | Tuyển sinh | Đào tạo |
| Đại học | 174 | 585 | 201 | 637 |
| Thạc sĩ | 4 | 14 | 1 | 11 |
| Tiến sĩ | 1 | 10 | 3 | 15 |

2.3. Khoa Thống kê

*Quá trình phát triển*: Khoa Thống - Kế - Tài là một trong hai khoa đầu tiên của Trường được thành lập năm 1956 và là tiền thân của Khoa Thống kê ngày nay. Năm 1957, Tổ Thống kê được thành lập thuộc khoa Thống - Kế - Tài với các bài giảng đầu tiên về Thống kê bậc đại học. Năm 1959, hai Bộ môn - Lý thuyết Thống kê và Thống kê Nghiệp vụ được thành lập với nhiệm vụ đào tạo cán bộ Thống kê bậc đại học. Năm 1965, Khoa Thống kê được thành lập với nhiệm vụ đào tạo 4 chuyên ngành hẹp: Thống kê công nghiệp, Thống kê xây dựng cơ bản, Thống kê thương nghiệp, Thống kê nông nghiệp.

Từ sau năm 1990, Khoa có 4 Bộ môn - Lý thuyết Thống kê, Thống kê kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế Bảo hiểm. Các Bộ môn này đào tạo 3 chuyên ngành bao gồm Thống kê, Kinh tế bảo hiểm và Kinh tế đầu tư. Năm 1999, hai Bộ môn Kinh tế bảo hiểm và Kinh tế đầu tư cùng 2 chuyên ngành này được tách khỏi khoa Thống kê thành hai bộ môn thuộc trường.

*Đội ngũ giảng viên, chuyên viên*: Số lượng viên chức và người lao động cơ hữu của Khoa là 15 người (13 giảng viên cơ hữu). *Đội ngũ giảng viên: 1 PGS, 8 TS, 4 Ths. và* *02 chuyên viên văn phòng.*

*Các bộ môn, đơn vị trực thuộc*: Hiện nay, Khoa Thống kê có 02 bộ môn:

* Bộ môn Thống kê kinh doanh;
* Bộ môn Thống kê Kinh tế - xã hội.

*Các ngành và chương trình đào tạo*: Khoa đang đào tạo ở tất cả các bậc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

**Đào tạo đại học:** Ngành Thống kê Kinh tế, CTĐT Thống kê kinh tế

**Đào tạo thạc sĩ:** 01 ngành với 01 Chương trình đào tạo: Ngành Kinh tế học, CTĐT thạc sĩ Thống kê kinh tế

**Đào tạo tiến sĩ:** 01 ngành với 01 Chương trình đào tạo: Ngành Kinh tế học, CTĐT tiến sĩ Thống kê kinh tế

**Quy mô tuyển sinh và Quy mô đào tạo năm 2022-2023**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bậc đào tạo | Quy mô năm 2022 | | Quy mô năm 2023 | |
| Tuyển sinh | Đào tạo | Tuyển sinh | Đào tạo |
| Đại học | 89 | 393 | 115 | 376 |
| Thạc sĩ | 0 | 39 | 3 | 36 |
| Tiến sĩ | 0 | 8 | 0 | 7 |

2.4. Tổng Quy mô đào tạo của Trường Công nghệ 2022-2023

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bậc đào tạo | Quy mô năm 2022 | | Quy mô năm 2023 | |
| Tuyển sinh | Đào tạo | Tuyển sinh | Đào tạo |
| Đại học | 585 | **2144** | 694 | **2261** |
| Thạc sĩ | 22 | 75 | 22 | 77 |
| Tiến sĩ | 4 | 38 | 4 | 35 |

2.5. Đội ngũ cán bộ hiện tại

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trường Công nghệ** | CV | ThS | TS | PGS | GS | Tổng | Quy mô ĐT |
| Khoa Toán kinh tế | 1 | 27 | 18 | 1 | 1 | 48 | **1800** |
| Khoa Thống kê | 2 | 4 | 8 | 1 | 0 | 15 | **550** |
| Viện CNTT&KTS | 2 | 15 | 12 | 1 | 0 | 30 | **1075** |
| **Tổng cộng** | **5** | **50** | **36** | **3** | **1** | **95** | **3.425** |

## Năng lực tuyển sinh trình độ Đại học tại thời điểm hiện tại: khoảng 1.009 sinh viên/năm

## Quy mô đào tạo theo năng lực hiện tại (25 sinh viên/giảng viên): 3.425 sinh viên/năm

PHẦN III:   
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ  
 CỦA TRƯỜNG CÔNG NGHỆ

3.1. Mô hình tổ chức Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Căn cứ Đề án xây dựng mô hình Đại học Kinh tế Quốc dân được Hội đồng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân thông qua theo Nghị Quyết số 06/NQ-HĐT ngày 29/7/2022 và Hiệu trưởng ký Quyết định ban hành số 568/QĐ-ĐHKTQD ngày 31/8/2022, mô hình tổ chức Đại học Kinh tế Quốc dân (hiện tại là Trường Đại học Kinh tế Quốc dân) bao gồm 3 cấp. Mô hình được thiết kế theo các nguyên tắc căn bản sau:

+ Mô hình tổ chức ĐHKTQD bám sát mục tiêu và định hướng Chiến lược phát triển ĐHKTQD giai đoạn 2021-2030 và Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ Trường Khóa XXVIII.

+ Nhằm nâng cao vị thế, xếp hạng và uy tín của ĐHKTQD đồng thời phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục đại học trong nước và quốc tế.

+ Đảm bảo nâng cao hiệu quả quản lý, tinh gọn bộ máy hành chính, nâng cao tính tự chủ của các đơn vị thuộc và trực thuộc, nâng cao thu nhập cho viên chức, người lao động.

+ Thành lập các trường thuộc ĐHKTQD trên cơ sở sáp nhập các Khoa/Viện có sự thống nhất, bổ sung về ngành nghề, quy mô đào tạo và xu hướng phát triển của giáo dục đại học

+ Các trường thuộc ĐHKTQD có nguyên tắc tổ chức và hoạt động thống nhất, không có sự trùng lặp về chuyên môn và chức năng với các đơn vị khác trong tổng thể ĐHKTQD.

+ Quá trình chuyển đổi thành ĐHKTQD phải đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu dài hạn, lộ trình thực hiện trong từng giai đoạn và kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống, các ưu điểm của Trường ĐHKTQD trong hơn 65 năm xây dựng và phát triển.

3.1.1. Mô hình tổ chức 3 cấp

Đại học Kinh tế Quốc dân (sau đây được gọi tắt là Đại học) được tổ chức theo định hướng mô hình đại học 3 cấp (xem **Phụ lục 3**), bao gồm:

(1) Đại học Kinh tế Quốc dân:

(i) Hội đồng Đại học;

(ii) Ban Giám đốc;

(iii) Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng tư vấn và các Hội đồng khác.

(2) Các đơn vị thuộc Đại học Kinh tế quốc dân, bao gồm:

(i) Các đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học, bao gồm:

+ Các trường (Colleges) thuộc ĐHKTQD;

+ Các Viện thuộc ĐHKTQD;

+ Bộ môn đào tạo chuyên biệt (Bộ môn Giáo dục thể chất);

(ii) Các phòng/ban chức năng thuộc ĐHKTQD;

(iii) Các đơn vị dịch vụ và hỗ trợ đào tạo.

(3) Các Khoa chuyên môn (Faculty) và Văn phòng (Office) thuộc các Trường (College).

3.1.2. Các giai đoạn thực hiện tái cấu trúc

Quá trình tái cấu trúcđược thực hiện theo hai giai đoạn như sau:

(a) Giai đoạn 1 (2023 - 2025): Tái cấu trúc các đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học hình thành 3 trường thuộc ĐHKTQD bao gồm Trường Kinh tế và Quản lý công (College of Economics and Public Management), Trường Kinh doanh (College of Business), Trường Công nghệ (College of Technology). Giữ nguyên Viện Kế toán - Kiểm toán và Viện Ngân hàng Tài chính như hiện tại.

(b) Giai đoạn 2 (2026 - 2030): tiếp tục chuyển đổi theo các hướng:

1. Mở rộng các ngành, lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học thành đại học đa ngành, đa lĩnh vực trên cơ sở các Trường đã có. VD như ngành Công nghệ thuộc Trường Công nghệ…..
2. Chuyển dịch các nhóm chuyên môn, chương trình đào tạo giữa các Trường được thành lập trong giai đoạn 2023-2025 theo đúng lĩnh vực chuyên môn.
3. Cơ cấu lại các Viện đào tạo và nghiên cứu khoa học còn lại trong giai đoạn 2023 - 2025 để hình thành các Trường thuộc ĐHKTQD.
4. Hình thành Trường Khoa học xã hội trên cơ sở mở thêm các ngành học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, tích hợp các chuyên môn hiện có và mở mới.
5. Nhóm gộp, phân tách, phát triển các khối đơn vị cho phù hợp với tình hình phát triển của cơ cấu tổ chức mới.

3.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị cấu thành

3.1.3.1. Hội đồng đại học

Hội đồng Đại học là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan của ĐHKTQD. Quyền hạn và trách nhiệm; số lượng, cơ cấu và nhiệm kỳ; quy trình thành lập; và hoạt động của Hội đồng Đại học được quy định như Hội đồng trường tại các Điều 22 đến 40 của Quy chế Tổ chức và Hoạt động của ĐHKTQD.

3.1.3.2. Ban Giám đốc đại học

Ban Giám đốc đại học gồm: Giám đốc Đại học và 03 Phó Giám đốc Đại học.

Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động của Đại học theo quy định của pháp luật. Giám đốc do Hội đồng đại học bổ nhiệm và được Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận. Tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm Giám đốc được quy định như Hiệu trưởng tại Tiểu mục 3.1 - Quy chế Tổ chức và Hoạt động của ĐHKTQD.

Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc Đại học trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Đại học. Nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm của Phó Giám đốc Đại học được quy định như Phó Hiệu trưởng tại Tiểu mục 3.2 - Quy chế Tổ chức và Hoạt động của ĐHKTQD.

3.1.3.3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo

Hội đồng Khoa học và Đào tạo có nhiệm vụ tư vấn cho Giám đốc Đại học về các vấn đề hoạt động đào tạo; khoa học và công nghệ; rà soát, phát triển đội ngũ cán bộ; phát triển các ngành, các chương trình đào tạo và các vấn đề khác theo yêu cầu. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo ĐHKTQD được quy định tại các Điều 61, 62 - Quy chế Tổ chức và Hoạt động của ĐHKTQD.

3.1.3.4. Hội đồng tư vấn và các hội đồng khác

Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Đại học có quyền quyết định thành lập Hội đồng tư vấn và các hội đồng khác để tư vấn về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Đại học theo quy định pháp luật. Quy định cụ thể tại Điều 63 - Quy chế Tổ chức và Hoạt động của ĐHKTQD.

3.1.3.5. Các Trường thuộc Đại học Kinh tế Quốc dân

Các Trường là đơn vị thuộc ĐHKTQD được thành lập theo Nghị Quyết Đảng ủy Trường Khóa XXVIII và Chiến lược phát triển Trường ĐHKTQD 2021 - 2030. Bao gồm các Trường Kinh tế và Quản lý công, Trường Kinh doanh, và Trường Công nghệ. Các trường không có tư cách pháp nhân, do Hội đồng Đại học Kinh tế Quốc dân quyết định thành lập, hoạt động theo Quy chế Tổ chức và Hoạt động của ĐHKTQD và phù hợp với quy định của pháp luật (quy định tại Điều 4 Nghị định 99/2019/NĐ-CP). Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, hoạt động của các Trường theo Đề án thành lập được phê duyệt của từng Trường. Những chức năng, nhiệm vụ căn bản của các Trường được mô tả trong các phần 3.2 và 3.3 dưới đây.

3.1.3.6. Các Viện đào tạo thuộc Đại học

Các Viện đào tạo thuộc đại học (Viện Ngân hàng - Tài chính và Viện Kế toán - Kiểm toán) là các đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc ĐHKTQD. Các Viện đào tạo có chức năng tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, các hoạt động nghiên cứu khoa học và công tác chuyên môn khác. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, hoạt động của các Viện đào tạo như quy định về các đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học hiện nay tại Tiểu mục 5.2.1 - Quy chế Tổ chức và Hoạt động của ĐHKTQD.

Giai đoạn 2023-2025, các Viện đào tạo này chưa chuyển đổi thành các trường thuộc đại học, các Bộ môn trực thuộc vẫn chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy, học tập của một hoặc một số môn học, học phần trong chương trình đào tạo của các Viện và của ĐHKTQD. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, hoạt động của các Bộ môn như quy định tại các Điều 75, 76, 77 - Quy chế Tổ chức và Hoạt động của ĐHKTQD. Giai đoạn 2026-2030, các viện này sẽ cũng tham gia thành lập Trường thuộc ĐHKTQD với mô hình như các Trường trong giai đoạn 2023-2025.

3.1.3.7. Các đơn vị đào tạo có tính chuyên biệt

Bộ môn Giáo dục Thể chất là đơn vị đào tạo có tính chuyên biệt. Đơn vị này thực hiện chức năng đào tạo các môn chung cho sinh viên toàn trường, không có sinh viên chuyên ngành. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, hoạt động của đơn vị đào tạo có tính chuyên biệt được quy định tại Tiểu mục 5.2.1 - Quy chế Tổ chức và Hoạt động của ĐHKTQD.

3.1.3.8. Các Viện/Trung tâm tư vấn nghiên cứu thuộc Đại học

Các Viện/Trung tâm tư vấn nghiên cứu có chức năng tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và tổ chức đào tạo theo các dự án và nhiệm vụ do Đại học giao hoặc Nhà nước, tổ chức khác đặt hàng.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, hoạt động của các Viện/Trung tâm tư vấn nghiên cứu như quy định tại Tiểu mục 5.2.2 - Quy chế Tổ chức và Hoạt động của ĐHKTQD.

3.1.3.9. Các đơn vị chức năng

Các đơn vị chức năng có nhiệm vụ tham mưu và giúp Giám đốc Đại học trong việc quản lý, tổ chức và triển khai thực hiện nhiệm vụ theo chức năng và quyền hạn được giao, thực hiện chức năng quản lý hành chính theo Quy chế Tổ chức và Hoạt động của ĐHKTQD. Quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, hoạt động của các đơn vị chức năng tại Tiểu mục 5.1 - Quy chế Tổ chức và Hoạt động của ĐHKTQD.

Ngay sau khi các Trường thuộc ĐHKTQD được thành lập (tháng 12/2023), các đơn vị chức năng sẽ được chuyển sang mô hình các ban (thay vì phòng như hiện nay) trong quá trình lập Đề án thành lập Đại học Kinh tế Quốc dân.

3.1.3.10. Các đơn vị dịch vụ và hỗ trợ đào tạo

Bao gồm các viện nghiên cứu, các đơn vị dịch vụ và hỗ trợ đào tạo. Quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, hoạt động của các đơn vị dịch vụ và hỗ trợ đào tạo tại Tiểu mục 5.2 và 5.3 - Quy chế Tổ chức và Hoạt động của ĐHKTQD. Quy định về các đơn vị khác thuộc nhóm này tuân theo Đề án thành lập, tổ chức lại được phê duyệt của từng đơn vị.

3.1.3.11. Các tổ chức Đảng và đoàn thể

3.2. Cơ cấu tổ chức của Trường Công nghệ

Trường Công nghệ (sau đây gọi tắt là Trường) có mô hình tổ chức bao gồm 2 cấp như sau:

Ở cấp độ Trường, có 03 cơ quan:

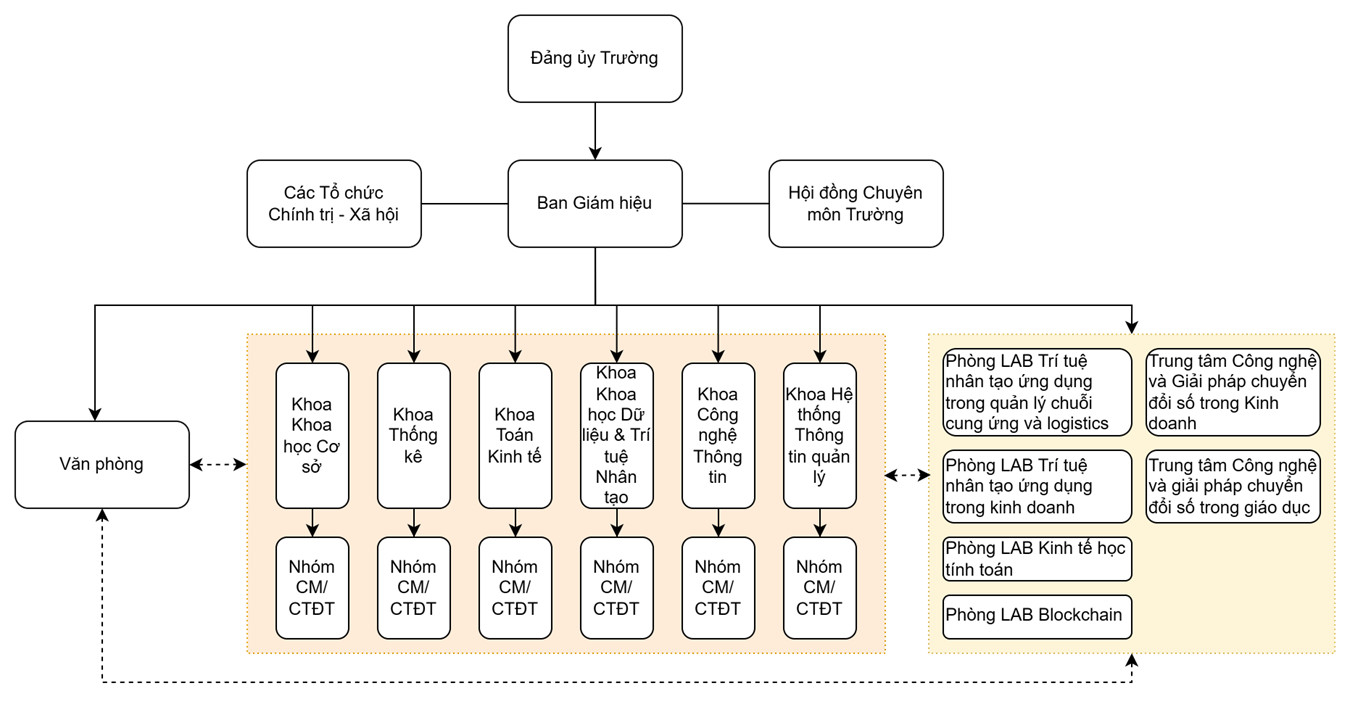
* Đảng ủy Trường;
* Ban Giám hiệu gồm có 01 Hiệu trưởng và 02 Hiệu phó;
* Hội đồng Chuyên môn Trường.

Ở cấp độ Khoa, dự kiến có:

* Văn phòng Trường
* 04 Phòng LAB
* 02 Trung tâm
* Các Khoa (06 Khoa)

Trong giai đoạn trước mắt (đến năm 2025), trong số 3 đơn vị tham gia thành lập Trường, sẽ giữ nguyên Khoa Thống kê. Hai đơn vị là Khoa Toán kinh tế và Viện Công nghệ thông tin và kinh tế số sẽ được tái cấu trúc và kết hợp với một số cán bộ giảng viên mới tạo thành 05 khoa. Như vậy, Trường dự kiến gồm 6 Khoa chuyên môn, 04 phòng LAB và 02 Trung tâm.

Cơ cấu tổ chức của Trường được thể hiện tại sơ đồ 3.1



Sơ đồ 3.1. Mô hình cơ cấu tổ chức Trường Công nghệ

3.2.1. Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận cấp Trường

*1. Đảng ủy Trường:* là một tổ chức Đảng cơ sở thuộc Đảng ủy Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Đảng ủy Trường Công nghệ giữ vai trò lãnh đạo đối với tất cả các lĩnh vực hoạt động của Trường Công nghệ. Đảng ủy Trường chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

*2. Ban Giám hiệu*, bao gồm: 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

a. Hiệu trưởng là người đứng đầu trường, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động của Trường có chất lượng và hiệu quả cao nhất. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc ĐHKTQD (hiện tại là Hiệu trưởng Trường ĐHKTQD) về tất cả các hoạt động của Trường.

b. Hiệu trưởng có các nhiệm vụ và quyền hạn:

(i) Xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch thực hiện của Trường thông qua Hội đồng chuyên môn Trường trình Giám đốc Đại học quyết định phê duyệt;

(ii) Xây dựng quy định tổ chức và hoạt động và các quy chế khác của Trường thông qua Hội đồng chuyên môn Trường trình Giám đốc Đại học quyết định phê duyệt;

(iii) Quản lý và phát triển bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ của Trường phù hợp với Chiến lược phát triển của ĐHKTQD, Chiến lược phát triển của Trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học và của Trường;

(iv) Tham mưu cho Giám đốc Đại học về các hoạt động liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của Trường và của toàn ĐHKTQD;

(iv) Quản lý và sử dụng tài sản, cơ sở vật chất được giao đúng mục đích và hiệu quả;

(v) Ký kết hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế trong các lĩnh vực chuyên môn thuộc Trường theo ủy quyền của Giám đốc ĐHKTQD;

(vi) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự điều phối của Giám đốc ĐHKTQD.

c. Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng quản lý và tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể được Hiệu trưởng phân công; báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và Giám đốc ĐHKTQD về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; thay mặt Hiệu trưởng điều hành các hoạt động của Trường khi được Hiệu trưởng ủy quyền.

d. Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng do Giám đốc ĐHKTQD bổ nhiệm theo quy trình như bổ nhiệm Trưởng đơn vị đào tạo tại Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễm nhiệm, biệt phái viên chức của Trường ĐHKTQD.

*3. Hội đồng chuyên môn Trường*:

a. Hội đồng chuyên môn Trường có nhiệm vụ tư vấn trực tiếp cho Ban Giám hiệu Trường về:

(i) Phương hướng và chiến lược phát triển của Trường;

(ii) Xây dựng bộ máy tổ chức, kế hoạch phát triển đội ngũ viên chức và người lao động của Trường;

(iii) Phát triển các ngành, chương trình đào tạo mới, kiểm định các chương trình đào tạo, dừng đào tạo các ngành, chương trình đào tạo không còn phù hợp, rà soát các chương trình đào tạo;

(iv) Định hướng phát triển khoa học và công nghệ, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, phân công thực hiện các nhiệm vụ về đào tạo và khoa học công nghệ;

(v) Một số vấn đề khác theo yêu cầu.

b. Danh sách Hội đồng chuyên môn Trường do Hiệu trưởng đề xuất và Giám đốc ĐHKTQD quyết định. Hội đồng có từ 11 đến 15 thành viên (là số lẻ). Nhiệm kỳ của Hội đồng chuyên môn theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

3.2.2. Chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị cấu thành

*1. Văn phòng Trường:*

a. Văn phòng Trường có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong quản lý hành chính tập trung và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ chung toàn trường, bao gồm:

(i) Xây dựng kế hoạch công tác, hướng dẫn, hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị thuộc Trường thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch công tác, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và đúng quy định;

(ii) Theo dõi và giải quyết công việc nghiệp vụ, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, đảm bảo kỷ cương, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc;

(iii) Tham mưu cho Hiệu trưởng và thực hiện các công tác hành chính liên quan tới hoạt động tổ chức cán bộ, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính kế toán, … theo Đề án thành lập được phê duyệt của từng Trường và các quy chế của ĐHKTQD.

b. Chánh văn phòng là người đứng đầu Văn phòng, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng và hiệu quả thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng theo đúng quy định của pháp luật, các quy chế của Trường và của Đại học. Phó Chánh văn phòng (nếu có) là người giúp Chánh văn phòng trong điều hành và tổ chức thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao của đơn vị. Mỗi Văn phòng có tối đa 01 Phó chánh văn phòng. Cán bộ hành chính từ 3-5 người.

*2. Các Khoa chuyên môn:*

Các Khoa chuyên môn là các đơn vị chuyên môn cốt lõi của Trường. Các Khoa chuyên môn thuộc Trường chỉ thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chuyên môn đào tạo và nghiên cứu khoa học, không thực hiện các công việc hành chính. Mỗi Khoa chuyên môn thuộc Trường có 01 thư ký khoa thực hiện các công việc hành chính, học vụ.

Các chức danh lãnh đạo, quản lý của các Khoa bao gồm: Trưởng khoa và các Phó trưởng khoa. Số lượng các Phó Trưởng khoa được xác định theo quy mô giảng viên và số lượng các bộ môn trong Khoa như sau:

1. Dưới 50 giảng viên: tối đa 02 Phó trưởng khoa
2. Trên 50 giảng viên: tối đa 03 Phó trưởng khoa

Bên cạnh các chức năng, nhiệm vụ như của các Bộ môn được quy định tại Điều 75 - Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường ĐHKTQD, các Khoa chuyên môn có các chức năng và nhiệm vụ sau:

(i) Xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, học tập các ngành do trường quản lý; tham gia vào các hoạt động khác trong chương trình, kế hoạch giảng dạy của Trường và của ĐHKTQD;

(ii) Xây dựng phương hướng, kế hoạch phát triển và tổ chức thực hiện việc phát triển các chương trình đào tạo, môn học mới thuộc lĩnh vực chuyên môn của Khoa;

(iii) Tổ chức thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ; chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế; phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội theo phân cấp của Hiệu trưởng;

(iv) Đề xuất phương hướng và đối tác hợp tác phát triển các chương trình liên kết đào tạo và nghiên cứu khoa học;

(v) Quản lý viên chức và người học thuộc Khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng;

(vi) Quản lý nội dung, phương pháp, chất lượng đào tạo; quản lý chất lượng hoạt động khoa học công nghệ theo phân cấp của Hiệu trưởng;

(vii) Tổ chức biên soạn chương trình dạy học, giáo trình môn học; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập theo phân cấp của Hiệu trưởng;

(viii) Tổ chức đánh giá cán bộ, viên chức, người lao động trong Khoa; tham gia đánh giá cán bộ quản lý cấp Trường và Đại học theo quy định của Trường và ĐHKTQD;

(ix) Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục đối với các chương trình đào tạo, môn học, học phần do Khoa phụ trách và phân công của Hiệu trưởng;

(x) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng và Giám đốc ĐHKTQD giao.

*Nhóm chuyên môn, chương trình đào tạo*

Tùy thuộc vào nhu cầu công việc, Trưởng Khoa sẽ đề xuất phương án tổ chức hoạt động của đơn vị mình., thống nhất trong tập thể lãnh đạo khoa (Trưởng Khoa và các Phó trưởng Khoa), báo cáo lãnh đạo Trường và ĐHKTQD. Các khoa có thể tổ chức theo các nhóm chuyên môn, hoặc các chương trình đào tạo hoặc hình thức khác do tập thể lãnh đạo khoa thống nhất. Các nhóm chuyên môn, các chương trình đào tạo…, không phải là đơn vị hành chính.

(i) Nhóm chuyên môn là các đơn vị chuyên môn thuộc các Khoa chuyên môn trong Trường, không phải là đơn vị hành chính. Nhóm chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý chuyên môn của một số môn học:

+ Chịu trách nhiệm xây dựng và hoàn thiện nội dung, chương trình môn học; biên soạn giáo trình, bài giảng và học liệu khác của các môn học được giao; đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng các môn học;

+ Phối hợp với các nhóm chuyên môn khác, chương trình đào tạo trong Khoa và Trường phát triển các ngành, chương trình đào tạo có liên quan đến chuyên môn của nhóm;

+ Một giảng viên sinh hoạt chuyên môn chính tại một nhóm chuyên môn, nhưng có thể tham gia công tác chuyên môn tại các nhóm khác hoặc phòng thực nghiệm trong Khoa và Trường.

+ Trưởng nhóm chuyên môn là người đứng đầu có trách nhiệm điều phối về mặt chuyên môn của nhóm, thực hiện các nhiệm vụ của nhóm và chịu trách nhiệm trước Trưởng Khoa về nhiệm vụ chuyên môn của nhóm. Trưởng nhóm là một vị trí lãnh đạo chuyên môn, không phải là một chức danh quản lý hành chính và không theo nhiệm kỳ.

(ii) Giám đốc chương trình đào tạo là người giúp trưởng khoa/viện thực hiện quản lý một chương trình đào tạo do khoa phụ trách. Giám đốc chương trình đào tạo là một vị trí lãnh đạo chuyên môn, không phải là một chức danh quản lý hành chính và không theo nhiệm kỳ.

(iii) Trưởng nhóm chuyên môn và Giám đốc chương trình đào tạo phải có trình độ tiến sĩ trở lên với chuyên ngành phù hợp.

Trưởng nhóm chuyên môn và Giám đốc chương trình đào tạo không phải là các chức danh quản lý. Quy trình phân công và phụ cấp đối với các vị trí Trưởng nhóm chuyên môn và Giám đốc chương trình đào tạo theo Quy định hướng dẫn của Đại học Kinh tế Quốc dân.

Trường Công nghệ bao gồm các Khoa/Viện với cấu trúc cụ thể như sau:

### (i) Khoa Khoa học cơ sở (Faculty of Fundamental Science)

Khoa Khoa học cơ sở sẽ được xây dựng trên nền tảng của Bộ môn Toán cơ bản (thuộc Khoa Toán kinh tế) có bổ sung một số giảng viên (giảng dậy một số môn cơ bản như vật lý) từ Viện CNTT&KTS.

*Chức năng.* Giảng dạy các môn học và nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực toán học, vật lý, hoá học, tin học cơ bản và các vấn đề ứng dụng liên quan, đóng góp vào các hoạt động chuyên môn khác của toàn trường Đại học Kinh tế quốc dân.

*Nhân sự.* Đội ngũ giảng viên nòng cốt là từ Bộ môn Toán cơ bản, Khoa Toán Kinh tế và một số giảng viên từ Viện CNTT&KTS. Có thể tuyển mới nếu có nhu cầu. Dự kiến trong 5 năm tới: 10-15 giảng viên.

Đội ngũ lãnh đạo, quản lý: 01 Trưởng và 01 Phó trưởng khoa

Nhân sự hành chính: 01 thư ký.

*Các môn học dự kiến:*

Các môn học giảng dạy cho sinh viên các trường/Viện khác thuộc ĐHKTQD: Toán cho các nhà kinh tế (Toán cao cấp); Đại số và Giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh; Đại số tuyến tính; Giải tích; Toán rời rạc.

Các môn học giảng dạy cho sinh viên trường Công nghệ: Đại số, Giải tích, Giải tích ma trận, Các kỹ thuật giải tích nâng cao, Lý thuyết độ đo và tích phân, Toán rời rạc, Vật lý đại cương, Hóa học đại cương, v.v.

*Một số hướng nghiên cứu.* Các nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản

### (ii) Khoa Thống kê (Faculty of Statistics)

Đội ngũ lãnh đạo, quản lý: 01 Trưởng khoa và 02 Phó trưởng khoa.

Nhân sự hành chính: 01 thư ký.

Các nhóm chuyên môn hoặc chương trình đào tạo được sắp xếp để đảm nhiệm các nội dung chuyên môn: Thống kê kinh tế; Thống kê kinh doanh.

Khoa Thống kê tiếp tục các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, tư vấn như hiện nay. Đội ngũ giảng viên của Khoa Thống kê sẽ tiếp tục được tăng cường. Khoa sẽ chủ động xây dựng chiến lược và lộ trình phát triển phù hợp với năng lực của đơn vị cũng như chiến lược phát triển của Đại học Kinh tế Quốc dân và Trường Công nghệ.

**Đào tạo đại học:** Ngành Thống kê Kinh tế, CTĐT Thống kê kinh tế.

**Đào tạo thạc sĩ:** Ngành Kinh tế học, CTĐT Thống kê kinh tế.

**Đào tạo tiến sĩ:** Ngành Kinh tế học, CTĐT Thống kê kinh tế.

### (iii) Khoa Toán kinh tế (Faculty of Economic Mathematics)

Về cơ bản, Khoa Toán kinh tế được xây dựng trên nền tảng của 02 bộ môn là Toán kinh tế và Toán tài chính. Khoa Toán kinh tế sẽ tiếp tục các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, tư vấn như hiện nay với 02 sự thay đổi như sau:

* Một số môn học thuộc về toán cơ bản như Toán cho các nhà kinh tế (Toán cao cấp); Đại số và Giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh; Đại số tuyến tính; Giải tích; Toán rời rạc… sẽ được chuyển cho Khoa Khoa học cơ sở đảm nhận.
* Dự kiến sẽ ngừng tuyển sinh CTĐT Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh vì sẽ đào tạo Ngành Khoa học dữ liệu tại Khoa Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo của Trường Công nghệ.

*Nhân sự.* Đội ngũ giảng viên của Khoa Toán Kinh tế chủ yếu là từ 02 bộ môn nói trên và sẽ tiếp tục được tăng cường tuyển mới tùy theo nhu cầu phát triển. Khoa sẽ chủ động xây dựng chiến lược và lộ trình phát triển phù hợp với năng lực của đơn vị cũng như chiến lược phát triển của Đại học Kinh tế Quốc dân và Trường Công nghệ.

Đội ngũ lãnh đạo, quản lý: 01 Trưởng khoa và 02 Phó trưởng khoa

Nhân sự hành chính: 01 thư ký.

Các nhóm chuyên môn hoặc chương trình đào tạo được sắp xếp để đảm nhiệm các nội dung chuyên môn: Toán kinh tế; Toán tài chính; Định phí bảo hiểm và Quản trị rủi ro.

*Các ngành và chương trình đào tạo*. Sẽ tiếp tục thực hiện các hoạt động đào tạo hiện nay của Khoa Toán Kinh tế (trừ CTĐT Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh). Khoa sẽ đào tạo ở tất cả các bậc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

**Đào tạo đại học.** Ngành Toán Kinh tế với 03 CTĐT.

* CTĐT Toán kinh tế (chuyên sâu Toán kinh tế và Toán tài chính)
* CTĐT Định phí Bảo hiểm và Quản trị rủi ro (Actuary) học bằng Tiếng Anh
* CTĐT liên thông Cử nhân - Thạc sỹ Actuary, liên kết với ĐH Lyon 1 - Pháp

**Đào tạo thạc sĩ**. Ngành Kinh tế học, CTĐT Toán Kinh tế - Tài chính

**Đào tạo tiến sĩ.** Ngành Kinh tế học, CTĐT Toán kinh tế

*Quy mô đào tạo:*

Đại học: 200 - 250 sinh viên/ năm.

Thạc sĩ: 15-20 HV/ năm

Tiến sĩ: 3-5 NCS/ năm

### (iv) Khoa Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (Faculty of Data Science and Artificial Intelligent, AI)

*Chức năng.* Đơn vị sẽ tập trung thực hiện một số các hoạt động trong các lĩnh vực mới của Trường công nghệ. Giảng dạy các môn học và nghiên cứu các vấn đề về khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, chuyên sâu về ứng dụng trong kinh tế, quản lý và kinh doanh. Nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức.

*Nhân sự.* Giảng viên chuyển từ các đơn vị hiện tại và tuyển mới. Số lượng nhân sự dự kiến: 15 - 20 người, sau 5 năm phấn dấu đạt 30 - 35 giảng viên.

Đội ngũ lãnh đạo, quản lý: 01 Trưởng khoa và 01 Phó trưởng khoa

Nhân sự hành chính: 01 thư ký.

Các nhóm chuyên môn hoặc chương trình đào tạo được sắp xếp để đảm nhiệm các nội dung chuyên môn: Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo.

*Các ngành đào tạo:* Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo.

**Đào tạo đại học**: 02 ngành:

* Khoa học dữ liệu (kỹ sư).
* Trí tuệ nhân tạo (kỹ sư).

Dự kiến các ngành nói trên sẽ có một số định hướng chuyên sâu ứng dụng trong kinh tế, quản lý và kinh doanh như quản trị tác nghiệp, logisstic, marketing, v.v.

**Đào tạo thạc sĩ:** 02 ngành

* Khoa học dữ liệu
* Trí tuệ nhân tạo

Dự kiến các ngành nói trên cũng sẽ có một số định hướng chuyên sâu ứng dụng trong kinh tế, quản lý và kinh doanh như quản trị tác nghiệp, logisstic, marketing, v.v.

*Quy mô đào tạo:*

Dự kiến tuyển sinh đại học: 100 - 150 sinh viên/ năm/ ngành và cao học: 15-20 HV/ ngành/ năm

### (v) Khoa Công nghệ thông tin (Faculty of Information Technology)

Khoa Công nghệ thông tin được xây dựng trên nền tảng Bộ môn Công nghệ thông tin (Viện CNTT&KTS).

*Chức năng.* Nghiên cứu chuyên sâu và giảng dạy các môn học về Công nghệ thông tin và ứng dụng Công nghệ thông tin trong kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh. Nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao công nghệ thông tin cho các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức.

*Nhân sự.*Đội ngũ giảng viên nòng cốt là từ Bộ môn Công nghệ thông tin, Viện CNTT&KTS. Có thể tuyển mới nếu có nhu cầu. Dự kiến trong 5 năm tới: 30-35 giảng viên.

Đội ngũ lãnh đạo, quản lý: 01 Trưởng khoa và 02 Phó trưởng khoa

Nhân sự hành chính: 01 thư ký.

Các nhóm chuyên môn hoặc chương trình đào tạo được sắp xếp để đảm nhiệm các nội dung chuyên môn: Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin; Chuyển đổi số.

*Ngành đào tạo.* Trong thời gian tới, sẽ tập trung đào tạo bậc đại học của 02 ngành đào tạo với 3 CTĐT. Định hướng chiến lược sẽ tập trung đào tạo kỹ sư Công nghệ thông tin.

* Ngành Công nghệ thông tin; CTĐT Công nghệ thông tin và CTĐT CLC Công nghệ thông tin và chuyển đổi số.
* Ngành Khoa học máy tính. CTĐT Khoa học máy tính

*Quy mô đào tạo*

* Ngành Công nghệ thông tin, dự kiến tuyển sinh khoảng 200 sinh viên/ năm một khóa.
* Ngành Khoa học máy tính, dự kiến tuyển sinh khoảng 50 SV một khóa.
* Chương trình Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số thuộc Ngành Công nghệ thông tin, dự kiến tuyển sinh khoảng 50 SV một khóa.

### (vi) Khoa Hệ thống thông tin quản lý (Faculty of Management Info. System)

Khoa Hệ thống thông tin quản lý được xây dựng trên nền tảng 2 bộ môn là Bộ môn Tin học kinh tế và Bộ môn Hệ thống thông tin quản lý thuộc Viện CNTT&KTS.

*Chức năng.* Giảng dạy các môn học và nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý. Đào tạo và phát triển các chuyên gia và nhà quản lý thông tin có khả năng xây dựng, triển khai và quản lý các hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý hiệu quả trong các tổ chức và doanh nghiệp.

*Nhân sự.* Đội ngũ giảng viên nòng cốt là từ 2 Bộ môn Hệ thống thông tin quản lý và Tin học kinh tế. sẽ tuyển mới để chuẩn bị cho quá trình tiếp tục chuyển đổi. Dự kiến trong 5 năm tới có từ 20 - 25 giảng viên.

Đội ngũ lãnh đạo, quản lý: 01 Trưởng khoa và 02 Phó trưởng khoa

Nhân sự hành chính: 01 thư ký.

Các nhóm chuyên môn hoặc chương trình đào tạo được sắp xếp để đảm nhiệm các nội dung chuyên môn: Tin học kinh tế; Hệ thống thông tin quản lý.

*Ngành Đào tạo***.** Khoa đào tạo các bậc học Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ. Trước mắt tập trung vào 01 mã ngành cho tất cả các bậc học là ngành Hệ thống thông tin quản lý.

*Quy mô đào tạo.* Dự kiến tuyển sinh hàng năm khoảng 100 - 150 sinh viên đại học, 20 thạc sỹ và 2-3 NCS.

*Một điểm cần lưu ý:* Mã ngành Hệ thống thông tin quản lý thuộc lĩnh vực Kinh doanh - quản lý, nhóm ngành Quản trị quản lý. Trong tương lai, cần tiến hành chuyển đổi sang đào tạo mã ngành Hệ thống thông tin, thuộc lĩnh vực Máy tính - Công nghệ thông tin, nhóm ngành Máy tính, chuyên sâu trong kinh tế, kinh doanh và quản lý.

### 3. Hệ thống các phòng LAB

*Chức năng*

Các phòng LAB sẽ có 2 mục đich là phục vụ giảng dây và phục vụ nghiên cứu. Trong thời gian trước mắt, dự kiến sẽ có 04 phòng LAB như sau:

*Các phòng (Lab) nghiên cứu dự kiến:*

* Trí tuệ nhân tạo ứng dụng trong quản lý chuỗi cung ứng và logistics.
* Trí tuệ nhân tạo ứng dụng trong kinh doanh (AI for Business Lab)
* Kinh tế học tính toán (Computational economics).
* Blockchain

+ Mỗi phòng LAB sẽ có khoảng 20 - 25 máy trạm. Hệ thống máy chủ riêng cho các phòng LAB cũng sẽ được trang bị.

+ Các phòng LAB thực hiện việc xây dựng, phát triển và quản lý các hoạt động cung cấp dịch vụ về đào tạo, nghiên cứu khoa học và tư vấn.

+ Số lượng và cơ cấu tổ chức: mỗi phòng LAB bao gồm 1 trưởng phòng và không có cán bộ cơ hữu. Các cán bộ làm việc tại Phòng LAB là nhân sự của các Khoa trong Trường Công nghệ.

### 4. Hệ thống các trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

**Trung tâm Công nghệ và giải pháp chuyển đổi số trong giáo dục NEC (NEU Edtech Center)**

*Mục tiêu.* Chuyển giao những công nghệ và giải pháp mới về chuyển đổi số để nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục, trọng tâm là các trường đại học. Góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

*Các sản phẩm, dịch vụ chính* của trung tâm:

* Cung cấp các giải pháp chuyển đổi số cho ngành giáo dục: các hệ thống quản trị ERP cho trường đại học, trường phổ thông liên cấp, các giải pháp trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu nâng cao chất lượng dạy học và ra quyết định của ban giám hiệu.
* Nền tảng các khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOC): cung cấp các khóa học online phục vụ việc giảng dạy của Đại học kinh tế quốc dân và các trường đại học khác, đào tạo nội bộ của doanh nghiệp, các sở ban ngành, và các cá nhân muốn học thêm các kĩ năng về kinh tế, quản trị, cung cấp các chứng chỉ qua đào tạo trực tuyến v.v. Trung tâm hướng đến các khóa học ngắn hạn trọng tâm, phù hợp với xu thế của thế giới về học tập trọn đời (Lifelong Learning) thông qua các Nanodegree ngắn hạn.
* Cung cấp các trang thiết bị, phần mềm mô phỏng phục vụ thực hành các môn học liên quan đến kinh doanh, kinh tế (ví dụ: CRM, phần mềm mô phỏng quá trình quản lý kho của các cửa hàng, v.v.)

**Trung tâm Công nghệ và Giải pháp chuyển đổi số trong Kinh doanh** (Center of Technology and Digital Transformation in Business, TDTB Center)

*Mục tiêu.* Chuyển giao những công nghệ mới nhất về AI và Data Science để giải quyết các vấn đề thực tế của doanh nghiệp liên quan đến tài chính ngân hàng, quản trị rủi ro, quản trị nhân sự, marketing, quản lý danh mục đầu tư, quản lý tài sản và luật pháp. Góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

*Các hoạt động chủ yếu*. Phát triển và chuyển giao các công nghệ AI và công nghệ lõi:

* Phát hiện giả mạo, đánh giá điểm tín dụng cho các công ty tài chính, ngân hàng
* Hệ thống khuyến nghị thông minh, dự báo hành vi sở thích của khách hàng
* Hệ thống ChatBot AI thông minh dựa trên ChatGPT tối ưu cho mục đích từng doanh nghiệp
* Hệ thống nhận diện khuôn mặt thông minh, định danh điện tử eKYC
* Hệ thống AI đầu tư thông minh dựa trên học tăng cường (Reinforcement Learning)
* Xử lý ảnh: object detection, image-to-text, video-to-text, tracking
* Xử lý ngôn ngữ tự nhiên: sentiment analysis, named-entity recognition, voice ID, speech-to-text, text-to-speech
* Time-series: time-series forecasting, anomaly detection,

Số lượng và cơ cấu tổ chức: mỗi Trung tâm bao gồm 1 giám đốc và không có cán bộ cơ hữu. Các cán bộ làm việc tại các trung tâm là nhân sự của các Khoa trong Trường Công nghệ.

Như vậy, cơ cấu tổ chức của Trường và các khoa có 3 điểm thay đổi chính. **Thứ nhất**, sự xuất hiện của các đơn vị cấp Trường (Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng Chuyên môn Trường) và Văn phòng, các Phòng LAB, các Trung tâm. **Thứ hai**, mô hình tổ chức theo các bộ môn thuộc các khoa được chuyển đổi sang mô hình tổ chức theo các nhóm chuyên môn/các chương trình đào tạo thuộc các khoa. **Thứ ba**, sự chia tách, sáp nhập của Khoa Toán Kinh tế và Viện CNTT&KTS. Những điểm mới trong cơ cấu tổ chức này sẽ dẫn đến những thay đổi trong cơ chế quản lý của tất cả các đơn vị trong Đại học Kinh tế Quốc dân.

Cơ cấu tổ chức của Trường có thể sẽ thay đổi sau năm 2025, khi cơ chế hoạt động của các đơn vị đã thực sự phù hợp với bối cảnh mới để tiếp tục thực hiện những mục tiêu mới trong chiến lược phát triển.

3.3. Cơ chế quản lý của Trường Công nghệ

Năm 2024 - 2025 là giai đoạn vận hành thử nghiệm để các đơn vị trong Trường thực hiện cơ chế vận hành mới với những thay đổi trong cơ cấu tổ chức như đã khẳng định trong mục 3.2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị trong Trường Công nghệ được quy định chi tiết trong Mô hình tổ chức của Đại học Kinh tế Quốc dân và được trích lục tại **Phụ lục 3** của bản đề án này.

Những khác biệt trong cơ chế quản lý của Trường Công nghệ so với các quy định hiện nay của Đại học Kinh tế Quốc dân thể hiện ở một số nội dung sau:

* *Mục tiêu:*
  + Hướng tới mục tiêu đảm bảo mỗi giảng viên có thể thực hiện nghiên cứu giảng dậy chuyên sâu căn cứ vào năng lực và đam mê. Tập trung chủ yếu vào nội dung môn học và phương pháp giảng dậy có hiệu quả nhất.
  + Sinh viên có thể theo học những ngành, môn học mà mình yêu thích và thấy thực sự cần thiết. Sinh viên có thể tùy ý lựa chọn ngành học, môn học, giảng viên.
  + Đảm bảo quá trình ra quyết định là nhanh chóng, hiệu quả. Với phương châm như vậy, từng bước giảm dần số lượng các ngành đào tạo, số lượng các môn học.
  + Không gia tăng công việc hành chính trong phạm vi toàn đại học. Do vậy, các hoạt động cấp Trường sẽ là sự phân công chủ yếu từ Đại học.
  + Đảm bảo sự ổn định trong hoạt động của các Khoa chuyên môn, của Trường Công nghệ và của ĐHKTQD: Những thay đổi lớn cần được chuẩn bị kỹ lưỡng và thống nhất trong toàn ĐHKTQD; Đảm bảo phát huy hiệu quả của từng cán bộ, giảng viên.
* *Phân cấp từ Đại học Kinh tế Quốc dân:*
  + Sẽ phân cấp một lượng kinh phí nhất định (dự kiến 8-10 tỷ đồng) cho Trường để thực hiện phân bổ cho các khoa và thực hiện các hoạt động cấp Trường.
  + Các nội dung phân cấp về các công tác tổ chức và nhân sự; công tác đào tạo; nghiên cứu khoa học và công nghệ; tài chính; cơ sở vật chất; công tác hành chính được nêu cụ thể trong Đề án xây dựng Mô hình Đại học Kinh tế Quốc dân đã được phê duyệt (Xem Phần IV - Đề án xây dựng Mô hình Đại học Kinh tế Quốc dân).
  + Nội dung chi tiết về phân cấp trong công tác đào tạo và tài chính được thể hiện trong các **Phụ lục 4** và **5** của đề án này.
  + Các hoạt động phân cấp khác sẽ được xác định trong quá trình phát triển.
* *Vai trò của các tổ chức cấp Trường:*
  + Trong giai đoạn trước mắt, Trường sẽ chủ yếu tập trung thực hiện một số công việc nhằm phối hợp các hoạt động của các khoa thuộc Trường dưới sự giám sát của Đại học Kinh tế Quốc dân.
  + Một số hoạt động do Đại học thực hiện sẽ được phân cấp cho Trường khi điều kiện chín muồi.
  + Trường tập trung xây dựng lộ trình tích hợp và giảm bớt các ngành, chương trình đào tạo, các môn học trong phạm vi Trường phụ trách. Đảm bảo sử dụng một cách có hiệu quả các nguồn lực về đội ngũ giảng viên, cán bộ chuyên môn, tài chính, cơ sở vật chất.
* *Vai trò mới của các Khoa:*
  + Các khoa chuyên môn sẽ thực hiện các nhiệm vụ được quy định hiện nay theo Quy chế Tổ chức hoạt động của Đại học Kinh tế Quốc dân và Đề án vị trí việc làm. Đồng thời thực hiện các nhiệm vụ trước đây thuộc về các bộ môn.
  + Các khoa chuyên môn chịu trách nhiệm tiến hành việc tổ chức/ phân công đội ngũ giảng viên theo trong khoa chuyên môn sâu/ môn học/ nhóm môn học hoặc theo chương trình đào tạo tùy vào tình hình cụ thể của các khoa. Tuy nhiên, sự phân công này mang tính mở và có thể điều chỉnh hàng năm. Nguyện vọng cá nhân của các cán bộ giảng viên cần được ưu tiên hàng đầu. Đại học Kinh tế Quốc dân sẽ có Quy định hướng dẫn cụ thể về hoạt động phân công này của các khoa cũng như quy trình giao nhiệm vụ Trưởng các nhóm chuyên môn, Giám đốc chương trình đào tạo. Đây là các chức danh chuyên môn, không phải chức danh lãnh đạo, quản lý. Quy trình giao nhiệm vụ này được thực hiện hàng năm theo hướng dẫn của Đại học Kinh tế Quốc dân.
  + Các Khoa/Viện chủ động xây dựng lộ trình tích hợp/ giảm bớt các môn học trong Khoa/Viện mình và phối hợp với các Khoa/Viện khác trong Trường để tích hợp và giảm sự trùng lặp đối với các chương trình đào tạo, các môn học trong toàn Trường.

PHẦN IV:   
MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Quá trình tái cấu trúc sẽ hướng đến việc thành lập Đại học Kinh tế Quốc dân và 03 trường trực thuộc: Trường Kinh tế và Quản lý công, Trường Kinh doanh và Trường Công nghệ. Đại học Kinh tế quốc dân sẽ tiến hành sửa đổi và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp lý cũng như chiến lược phát triển của để phù hợp với cơ cấu tổ chức mới.

Sau khi thành lập xong các trường trực thuộc, sẽ tiến hành xây dựng chiến lược phát triển của từng trường và các khoa thuộc các trường. Trong phần này sẽ chỉ là một số định hướng cơ bản, tập trung trước mắt vào ổn định để xây dựng nền tảng cho các hoạt động của Trường Công nghệ.

4.1. Quy mô và ngành đào tạo

Trong giai đoạn trước mắt, bên cạnh việc ổn định các ngành đào tạo truyền thống, quy mô đào tạo đại học chính quy của Trường dự kiến sẽ tăng nhanh do việc triển khai thêm 02 ngành đào tạo mới là Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo. Trường sẽ nghiên cứu để triển khai các chương trình đào tạo kỹ sư (thời lượng 150 tín chỉ và thời gian đào tạo từ 4- 5 năm). Trường tăng cường phần đào tạo tại các phòng LAB cũng như các học kỳ hè (giữa 2 kỳ chính) nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo đi đôi với rút ngắn thời gian đào tạo. *Nghiên cứu thực hiện việc chuyển đổi đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý (lĩnh vực Kinh doanh - quản lý, nhóm ngành Quản trị quản lý) sang đào tạo mã ngành Hệ thống thông tin, thuộc lĩnh vực Máy tính - Công nghệ thông tin, nhóm ngành Máy tính, chuyên sâu trong kinh tế, kinh doanh và quản lý.*

Quy mô đào tạo thạc sỹ của Trường cũng sẽ được chú trọng và có thể tăng trưởng không quá 5-7% hàng năm. Đào tạo Tiến sĩ sẽ được chú trọng để có thể đạt mức tăng trưởng cao hơn (khoảng 10% năm). Quy mô đào tạo dự kiến của Trường thể hiện tại các bảng 4.1, 4.2 và 4.3.

Trường sẽ bắt đầu xem xét việc tích hợp và giảm dần số lượng ngành đào tạo để tiến tới cho phép người học có những lựa chọn tốt nhất. Tiến tới việc tuyển sinh chung cho Trường Công nghệ, không phân biệt theo các khoa. Sinh viên khi vào Trường có thể tùy ý lựa chọn các ngành học phù hợp với nhu cầu và năng lực.

4.2. Nâng cao năng lực và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và tư vấn

Định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học và tư vấn của Trường tập trung vào ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; tìm kiếm các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý nhà nước; ban hành và thực thi chính sách; hoạt động quản trị, điều hành của các doanh nghiệp, tổ chức; và chuyển đổi số.

Trường được phân bổ kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ từ Quỹ Khoa học Công nghệ của Đại học Kinh tế Quốc dân theo các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng hoặc đột xuất. Trường được giữ lại một phần kinh phí quản lý của các đề tài nghiên cứu để tổ chức các hoạt động khoa học và công nghệ.

Trường được chủ động triển khai thành lập các nhóm thực hiện nghiên cứu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài cấp trường, nhóm công bố quốc tế...) trên cơ sở quy mô giảng viên và năng lực của Trường. Trường quản lý chung về mặt chuyên môn đảm bảo các hoạt động khoa học và công nghệ theo đúng Quy định của Nhà nước và Quy chế khoa học và công nghệ của Đại học Kinh tế Quốc dân.

Trường được chủ động trong việc hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức trong và ngoài nước. Được chủ động lập kế hoạch và triển khai các hoạt động nâng cao năng lực nghiên cứu của các Khoa/Viện thuộc Trường.

4.3. Phát triển đội ngũ cán bộ

Danh sách đội ngũ cán bộ hiện nay của các đơn vị tham gia thành lập Trường được thể hiện tại **Phụ lục 1**. Hiện tại, số lượng giảng viên có học vị tiến sĩ là còn hạn chế (trừ Khoa Thống kê). Trong thời gian trước mắt, bên cạnh việc ổn định và tăng cường đào tạo đội ngũ giảng viên hiện có sẽ tăng cường tuyển mới với ưu tiên đội ngũ giảng viên trẻ, có học vị tiến sĩ/ Thạc sĩ, có năng lực và nhiệt huyết. Đảm bảo số lượng cán bộ giảng viên tăng nhanh hơn tốc độ tăng số lượng sinh viên để tiến tới đạt tỷ lệ 25 sinh viên, người học/1 giảng viên. Phấn đấu tỷ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ là 50%.

Quy mô dự kiến của đội ngũ giảng viên của Trường Công nghệ và các Khoa trong Trường giai đoạn 2024 - 2030 thể hiện tại bảng 4.4.

4.4. Tăng cường cơ sở vật chất

Trong thời gian cho đến năm 2025, chưa có sự thay đổi lớn về cô sở vật chất đối với các đơn vị hiện tại. Dự kiến sẽ có thêm phòng làm việc cho Khoa Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, trang bị thêm các phòng LAB như trong đề án. Bên cạnh đó, ĐH KTQD sẽ bố trí đủ nguồn kinh phí, ưu tiên cung cấp các trang thiết bị giảng dậy, học tập theo yêu cầu của các hoạt động giảng dậy và nghiên cứu.

Sau năm 2025 sẽ quy hoạch lại hệ thống văn phòng làm việc của Trường và các Khoa trong Trường. Đảm bảo Trường sẽ có cơ sở vật chất tập trung để khai thác và sử dụng có hiệu quả.

Bảng 4.1a. Dự kiến quy mô tuyển sinh đại học chính quy giai đoạn 2024 - 2030

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Khoa/Viện** | **2023** | **2024** | **2025** | **2026** | **2027** | **2028** | **2029** | **2030** |
| 1 | Khoa Khoa học cơ sở | 201 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Khoa Toán kinh tế | 207 | 213 | 220 | 226 | 233 | 240 | 247 |
| 3 | Khoa Thống kê | 115 | 118 | 122 | 126 | 129 | 133 | 137 | 141 |
| 4 | Khoa Công nghệ thông tin | 245 | 252 | 260 | 268 | 276 | 284 | 293 | 301 |
| 5 | Khoa Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo | 100 | 110 | 113 | 117 | 120 | 124 | 128 |
| 6 | Khoa Hệ thống thông tin quản lý | 133 | 150 | 155 | 159 | 164 | 169 | 174 | 179 |
|  | **Tổng** | **694** | **828** | **860** | **885** | **912** | **939** | **968** | **997** |

*(Ngưỡng tuyển sinh theo năng lực đào tạo hiện tại năm 2023: 1029 sv/năm)*

Bảng 4.1b. Dự kiến quy mô đào tạo đại học chính quy giai đoạn 2024 - 2030

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Khoa/Viện** | **2023** | **2024** | **2025** | **2026** | **2027** | **2028** | **2029** | **2030** |
| 1 | Khoa Khoa học cơ sở | 637 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Khoa Toán kinh tế | 722 | 795 | 841 | 866 | 892 | 919 | 946 |
| 3 | Khoa Thống kê | 376 | 409 | 444 | 481 | 496 | 510 | 526 | 542 |
| 4 | Khoa Công nghệ thông tin | 1248 | 852 | 912 | 980 | 1011 | 1042 | 1075 | 1109 |
| 5 | Khoa Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo | 100 | 210 | 323 | 440 | 460 | 474 | 488 |
| 6 | Khoa Hệ thống thông tin quản lý | 521 | 605 | 642 | 673 | 691 | 711 | 731 |
|  | **Tổng** | **2261** | **2605** | **3464** | **4350** | **4568** | **4680** | **4787** | **4899** |

*(Tốc độ tăng quy mô tuyển sinh 3%/năm, giả định tốt nghiệp 100% đúng hạn)*

Bảng 4.2a. Dự kiến quy mô tuyển sinh Thạc sĩ giai đoạn 2024 - 2030 (tăng 10%/năm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Khoa/Viện** | **2023** | **2024** | **2025** | **2026** | **2027** | **2028** | **2029** | **2030** |
| 1 | Khoa Khoa học cơ sở | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Khoa Toán kinh tế | 5 | 6 | 6 | 7 | 7 | 8 | 9 |
| 3 | Khoa Thống kê | 3 | 3 | 3 | 4 | 4 | 4 | 5 | 5 |
| 4 | Khoa Công nghệ thông tin | 18 | 10 | 11 | 12 | 13 | 15 | 16 | 18 |
| 5 | Khoa Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo | 5 | 6 | 6 | 7 | 7 | 8 | 9 |
| 6 | Khoa Hệ thống thông tin quản lý | 5 | 6 | 6 | 7 | 7 | 8 | 9 |
|  | **Tổng** | **22** | **28** | **31** | **34** | **37** | **41** | **45** | **50** |

Bảng 4.2b. Dự kiến quy mô đào tạo Thạc sĩ giai đoạn 2024 - 2030

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Khoa/Viện** | **2023** | **2024** | **2025** | **2026** | **2027** | **2028** | **2029** | **2030** |
| 1 | Khoa Khoa học cơ sở | 11 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Khoa Toán kinh tế | 15 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 26 |
| 3 | Khoa Thống kê | 36 | 36 | 36 | 37 | 38 | 38 | 39 | 40 |
| 4 | Khoa Công nghệ thông tin | 30 | 22 | 23 | 25 | 27 | 30 | 33 | 36 |
| 5 | Khoa Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo | 5 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 14 |
| 6 | Khoa Hệ thống thông tin quản lý | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 12 |
|  | **Tổng** | **77** | **83** | **92** | **98** | **104** | **111** | **119** | **128** |

*(Tốc độ tăng quy mô tuyển sinh 10%/năm, giả định tốt nghiệp 100% đúng hạn)*

Bảng 4.3a. Dự kiến quy mô tuyển sinh Tiến sĩ giai đoạn 2024 - 2030 (tăng 10%/năm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Khoa/Viện** | **2023** | **2024** | **2025** | **2026** | **2027** | **2028** | **2029** | **2030** |
| 1 | Khoa Khoa học cơ sở | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Khoa Toán kinh tế | 3 | 3 | 4 | 4 | 4 | 5 | 5 |
| 3 | Khoa Thống kê | 0 | 3 | 3 | 4 | 4 | 4 | 5 | 5 |
| 4 | Khoa Công nghệ thông tin | 1 | 3 | 3 | 4 | 4 | 4 | 5 | 5 |
| 5 | Khoa Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 |
| 6 | Khoa Hệ thống thông tin quản lý | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 | 4 |
|  | **Tổng** | **4** | **12** | **13** | **15** | **16** | **18** | **19** | **21** |

Bảng 4.3b. Dự kiến quy mô đào tạo Tiến sĩ giai đoạn 2024 - 2030

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Khoa/Viện** | **2023** | **2024** | **2025** | **2026** | **2027** | **2028** | **2029** | **2030** |
| 1 | Khoa Khoa học cơ sở | 14 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Khoa Toán kinh tế | 14 | 14 | 15 | 16 | 17 | 19 | 21 |
| 3 | Khoa Thống kê | 7 | 7 | 7 | 8 | 9 | 10 | 12 | 14 |
| 4 | Khoa Công nghệ thông tin | 14 | 14 | 14 | 15 | 16 | 17 | 19 | 21 |
| 5 | Khoa Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 3 | 3 |
| 6 | Khoa Hệ thống thông tin quản lý | 2 | 2 | 3 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|  | **Tổng** | **35** | **38** | **39** | **42** | **46** | **51** | **57** | **64** |

*(Tốc độ tăng quy mô tuyển sinh 10%/năm, giả định tốt nghiệp 100% đúng hạn)*

Bảng 4.4. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của giai đoạn 2024 - 2030 (tăng khoảng 7-10%/năm)

*(Trên cơ sở phát triển quy mô đào tạo để có kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Khoa/Viện** | **2023** | **2024** | **2025** | **2026** | **2027** | **2028** | **2029** | **2030** |
| 1 | Khoa Khoa học cơ sở | 50 | 11 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| 2 | Khoa Toán kinh tế | 20 | 20 | 22 | 25 | 28 | 32 | 35 |
| 3 | Khoa Thống kê | 14 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| 4 | Khoa Công nghệ thông tin | 31 | 30 | 32 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 |
| 5 | Khoa Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo | 20 | 22 | 25 | 27 | 30 | 32 | 35 |
| 6 | Khoa Hệ thống thông tin quản lý | 10 | 13 | 15 | 17 | 20 | 23 | 25 |
|  | **Tổng** | **95** | **105** | **113** | **125** | **135** | **147** | **159** | **170** |

PHẦN V:   
LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

5.1. Kế hoạch năm 2023

+ Hoàn thành Đề án thành lập Trường và trình Hội đồng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và tiến hành xin ý kiến cán bộ, giảng viên (hoàn thành 30/9)

+ Thảo luận, trao đổi và thống nhất Đề án và trình Hội đồng Trường thông qua (31/10)

+ Cán bộ giảng viên đăng ký về các đơn vị thuộc Trường (hoàn thành 20/11)

+ Tuyển dụng giảng viên mới (từ tháng 10/2023)

+ Công bố quyết định thành lập Trường (hoàn thành 01/12)

+ Bổ nhiệm các vị trí quản lý của trường (22/12)

+ Thành lập Văn phòng Trường (22/12)

+ Thành lập Hội đồng chuyên môn Trường (22/12)

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường năm 2024.

+ Triển khai các phòng LAB và các Trung tâm.

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường năm 2024

5.2. Kế hoạch năm 2024

+ Xây dựng chiến lược phát triển của Trường và các Khoa chuyên môn.

+ Rà soát các môn học, các chương trình và ngành đào tạo do Trường và các khoa chuyên môn phụ trách.

+ Xây dựng các quy chế, văn bản quản lý của Trường.

+ Xây dựng cơ chế, phương án trả lương đặc thù của Trường.

+ Triển khai xây dựng phòng LAB

+ Tuyển dụng giảng viên mới theo kế hoạch.

5.3. Kế hoạch năm 2025

+ Tuyển dụng giảng viên mới theo kế hoạch.

+ Hoàn thiện các môn học, chương trình và ngành đào tạo do Trường và các khoa chuyên môn phụ trách.

+ Xây dựng nền móng cho các định hướng nghiên cứu lớn.

+ Xây dựng phương án hoàn thiện cơ sở vật chất.

5.4. Định hướng phát triển sau năm 2025

+ Thực hiện phương án hoàn thiện cơ sở vật chất.

+ Hình thành các sản phẩm tiêu biểu.

+ Nâng cao vị thế trong nước và quốc tế.

PHẦN VI: PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG (Tại thời điểm 19/11/2023)

TRƯỜNG CÔNG NGHỆ (95 viên chức và người lao động. Trong đó có 89 giảng viên cơ hữu; 5 trợ lý, văn thư,

1 nghiên cứu viên chính)

| **TT** | **Mã ngạch** | **Họ và tên** | **Giới tính** | **Ngày sinh** | **Chức vụ** | **Học hàm** | **Học vị** | **Đơn vị con** | **Đơn vị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | V.07.01.01 | Trần Thị Bích | Nữ | 05/05/1972 | Trưởng khoa | PGS | TS | Bộ môn Thống kê Kinh tế xã hội | Khoa Thống kê |
| 2 | V.07.01.02 | Cao Quốc Quang | Nam | 12/04/1976 | Phó trưởng khoa |  | TS | Bộ môn Thống kê Kinh doanh | Khoa Thống kê |
| 3 | 01.002 | Bùi Thị Thúy | Nữ | 23/12/1976 |  |  | ThS |  | Khoa Thống kê |
| 4 | 01.003 | Phan Thị Minh Vi | Nữ | 01/12/1967 |  |  | CN |  | Khoa Thống kê |
| 5 | V.07.01.02 | Đỗ Văn Huân | Nam | 10/09/1978 | Trưởng bộ môn |  | TS | Bộ môn Thống kê Kinh doanh | Khoa Thống kê |
| 6 | V.07.01.02 | Trần Thị Nga | Nữ | 21/06/1977 | Phó trưởng bộ môn |  | TS | Bộ môn Thống kê Kinh doanh | Khoa Thống kê |
| 7 | V.07.01.02 | Phạm Thị Mai Anh | Nữ | 25/11/1977 |  |  | TS | Bộ môn Thống kê Kinh doanh | Khoa Thống kê |
| 8 | V.07.01.03 | Nguyễn Huyền Trang | Nữ | 05/12/1989 |  |  | ThS | Bộ môn Thống kê Kinh doanh | Khoa Thống kê |
| 9 | V.07.01.02 | Lê Hoàng Minh Nguyệt | Nữ | 19/01/1980 |  |  | ThS | Bộ môn Thống kê Kinh doanh | Khoa Thống kê |
| 10 | V.07.01.02 | Nguyễn Minh Thu | Nữ | 11/10/1984 | Trưởng bộ môn |  | TS | Bộ môn Thống kê Kinh tế xã hội | Khoa Thống kê |
| 11 | V.07.01.02 | Nguyễn Thị Xuân Mai | Nữ | 30/01/1979 | Phó trưởng bộ môn |  | TS | Bộ môn Thống kê Kinh tế xã hội | Khoa Thống kê |
| 12 | V.07.01.02 | Chu Thị Bích Ngọc | Nữ | 22/05/1973 |  |  | TS | Bộ môn Thống kê Kinh tế xã hội | Khoa Thống kê |
| 13 | V.07.01.03 | Nguyễn Đăng Khoa | Nam | 14/06/1988 |  |  | ThS | Bộ môn Thống kê Kinh tế xã hội | Khoa Thống kê |
| 14 | V.07.01.02 | Trần Hoài Nam | Nam | 05/10/1984 |  |  | ThS | Bộ môn Thống kê Kinh tế xã hội | Khoa Thống kê |
| 15 | V.07.01.03 | Nguyễn Bảo Khánh | Nữ | 11/08/1998 |  |  | ThS | Bộ môn Thống kê Kinh tế xã hội | Khoa Thống kê |
| 16 | V.07.01.03 | Nguyễn Mạnh Thế | Nam | 14/03/1975 | Trưởng khoa |  | TS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 17 | V.07.01.03 | Nguyễn Quang Huy | Nam | 05/06/1985 | Phó trưởng khoa |  | TS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 18 | 01.003 | Nguyễn Phương Lan | Nữ | 01/10/1976 |  |  | ThS |  | Khoa Toán kinh tế |
| 19 | V.07.01.01 | Nguyễn Thị Cẩm Vân | Nữ | 27/09/1980 | Trưởng bộ môn | PGS | TS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 20 | V.07.01.02 | Bùi Quốc Hoàn | Nam | 16/01/1981 | Phó trưởng bộ môn |  | ThS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 21 | V.07.01.02 | Tống Thành Trung | Nam | 20/11/1975 |  |  | TS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 22 | V.07.01.02 | Đặng Huy Ngân | Nam | 31/01/1979 |  |  | TS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 23 | V.07.01.03 | Vũ Quỳnh Anh | Nữ | 23/09/1975 |  |  | ThS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 24 | V.07.01.02 | Lê Thị Anh | Nữ | 24/05/1978 |  |  | TS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 25 | V.07.01.02 | Đoàn Trọng Tuyến | Nam | 30/04/1982 |  |  | TS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 26 | V.07.01.03 | Nguyễn Mai Quyên | Nữ | 01/09/1980 |  |  | ThS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 27 | V.07.01.03 | Phạm Bảo Lâm | Nam | 24/04/1982 |  |  | CN | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 28 | V.07.01.02 | Hoàng Văn Thắng | Nam | 02/01/1980 |  |  | ThS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 29 | V.07.01.02 | Phùng Minh Đức | Nam | 20/11/1979 |  |  | TS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 30 | V.07.01.03 | Nguyễn Thị An | Nữ | 31/10/1984 |  |  | ThS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 31 | V.07.01.02 | Phạm Văn Nghĩa | Nam | 02/05/1979 |  |  | ThS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 32 | V.07.01.03 | Nguyễn Thị Quý | Nữ | 17/10/1980 |  |  | ThS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 33 | V.07.01.02 | Nguyễn Tuấn Long | Nam | 18/12/1981 |  |  | TS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 34 | V.07.01.02 | Dương Việt Thông | Nam | 10/03/1982 |  |  | TS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 35 | V.07.01.02 | Phạm Anh Tuấn | Nam | 03/02/1963 |  |  | ThS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 36 | V.07.01.03 | Hà Thị Minh Huệ | Nữ | 28/02/1985 |  |  | ThS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 37 | V.07.01.03 | Nguyễn Đức Nam | Nam | 03/05/1994 |  |  | TS | Bộ môn Toán cơ bản | Khoa Toán kinh tế |
| 38 | V.07.01.02 | Phạm Ngọc Hưng | Nam | 25/09/1975 | Trưởng bộ môn |  | TS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 39 | V.07.01.03 | Bùi Dương Hải | Nam | 06/09/1976 | Phó trưởng bộ môn |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 40 | V.07.01.03 | Nguyễn Hải Dương | Nam | 09/09/1979 |  |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 41 | V.07.01.02 | Lê Đức Hoàng | Nam | 08/08/1979 |  |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 42 | V.07.01.02 | Phạm Thị Hương Huyền | Nữ | 20/01/1975 |  |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 43 | V.07.01.02 | Hoàng Thị Thanh Tâm | Nữ | 09/11/1973 |  |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 44 | V.07.01.03 | Vũ Duy Thành | Nam | 07/08/1990 |  |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 45 | V.07.01.03 | Hoàng Bích Phương | Nữ | 11/10/1980 |  |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 46 | V.07.01.03 | Lương Văn Long | Nam | 18/12/1980 |  |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 47 | V.07.01.03 | Nguyễn Hồng Nhật | Nam | 23/10/1980 |  |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 48 | V.07.01.03 | Mai Cẩm Tú | Nữ | 12/02/1984 |  |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 49 | V.07.01.02 | Nguyễn Thị Thảo | Nữ | 29/07/1980 |  |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 50 | V.07.01.03 | Vũ Thị Bích Ngọc | Nữ | 04/05/1979 |  |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 51 | V.07.01.03 | Nguyễn Thị Thùy Trang | Nữ | 17/01/1986 |  |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 52 | V.07.01.03 | Nguyễn Thị Thu Trang | Nữ | 02/10/1986 |  |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 53 | V.07.01.03 | Nguyễn Thanh Tuấn | Nam | 08/08/1995 |  |  | ThS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 54 | V.07.01.03 | Nguyễn Thị Quỳnh Giang | Nữ | 12/07/1988 |  |  | TS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 55 | V.05.01.02 | Trần Thị Hà | Nữ | 11/11/1986 |  |  | TS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 56 | V.07.01.03 | Trần Việt Cường | Nam | 01/04/1984 |  |  | TS | Bộ môn Toán kinh tế | Khoa Toán kinh tế |
| 57 | V.07.01.03 | Hoàng Đức Mạnh | Nam | 26/05/1981 | Trưởng bộ môn |  | TS | Bộ môn Toán tài chính | Khoa Toán kinh tế |
| 58 | V.07.01.02 | Trần Chung Thủy | Nữ | 23/09/1974 | Phó trưởng bộ môn |  | ThS | Bộ môn Toán tài chính | Khoa Toán kinh tế |
| 59 | V.07.01.01 | Nguyễn Quang Dong | Nam | 18/08/1955 |  | GS | TS | Bộ môn Toán tài chính | Khoa Toán kinh tế |
| 60 | V.07.01.02 | Phạm Thị Hồng Thắm | Nữ | 09/09/1978 |  |  | TS | Bộ môn Toán tài chính | Khoa Toán kinh tế |
| 61 | V.07.01.02 | Nguyễn Thị Liên | Nữ | 15/01/1984 |  |  | ThS | Bộ môn Toán tài chính | Khoa Toán kinh tế |
| 62 | V.07.01.03 | Đào Bùi Kiên Trung | Nam | 09/09/1989 |  |  | ThS | Bộ môn Toán tài chính | Khoa Toán kinh tế |
| 63 | V.07.01.03 | Nguyễn Văn Quý | Nam | 03/01/1993 |  |  | TS | Bộ môn Toán tài chính | Khoa Toán kinh tế |
| 64 | V.07.01.03 | Vương Văn Yên | Nam | 19/08/1995 |  |  | TS | Bộ môn Toán tài chính | Khoa Toán kinh tế |
| 65 | V.07.01.03 | Đồng Xuân Bách | Nam | 17/12/1994 |  |  | TS | Bộ môn Toán tài chính | Khoa Toán kinh tế |
| 66 | V.07.01.02 | Nguyễn Trung Tuấn | Nam | 22/03/1975 | Viện trưởng |  | TS | Bộ môn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 67 | V.07.01.02 | Trần Quang Yên | Nam | 17/01/1969 | Phó viện trưởng |  | TS | Bộ môn Tin học kinh tế | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 68 | 01.002 | Nguyễn Hồng Quân | Nam | 22/12/1967 |  |  | ThS | Bộ môn Hệ thống thông tin quản lý | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 69 | 01.003 | Nguyễn Hương Giang | Nữ | 03/08/1975 |  |  | CN |  | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 70 | V.07.01.02 | Phạm Xuân Lâm | Nam | 30/06/1983 | Trưởng bộ môn |  | TS | Bộ môn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 71 | V.07.01.02 | Phạm Minh Hoàn | Nam | 02/06/1973 | Phó trưởng bộ môn |  | TS | Bộ môn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 72 | V.07.01.02 | Phạm Thảo | Nam | 17/05/1982 |  |  | ThS | Bộ môn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 73 | V.07.01.02 | Tống Thị Minh Ngọc | Nữ | 25/08/1978 |  |  | ThS | Bộ môn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 74 | V.07.01.02 | Lưu Minh Tuấn | Nam | 24/11/1975 |  |  | TS | Bộ môn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 75 | V.07.01.03 | Đặng Minh Quân | Nam | 06/06/1978 |  |  | TS | Bộ môn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 76 | V.07.01.02 | Lê Thị Hoài Thu | Nữ | 21/11/1980 |  |  | TS | Bộ môn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 77 | V.07.01.02 | Tống Thị Hảo Tâm | Nữ | 19/05/1979 | Chánh văn phòng |  | TS | Bộ môn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 78 | V.07.01.02 | Nguyễn Thanh Hương | Nữ | 23/08/1977 |  |  | TS | Bộ môn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 79 | V.07.01.02 | Nguyễn Quỳnh Mai | Nữ | 01/03/1979 |  |  | ThS | Bộ môn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 80 | V.07.01.02 | Cao Thị Thu Hương | Nữ | 13/08/1981 |  |  | ThS | Bộ môn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 81 | V.07.01.02 | Trần Thị Mỹ Diệp | Nữ | 16/12/1983 |  |  | ThS | Bộ môn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 82 | V.07.01.03 | Phạm Đức Trung | Nam | 20/09/1994 |  |  | ThS | Bộ môn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 83 | V.07.01.02 | Đoàn Quang Minh | Nam | 05/07/1969 | Trưởng bộ môn |  | TS | Bộ môn Hệ thống thông tin quản lý | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 84 | V.07.01.03 | Nguyễn Anh Phương | Nam | 17/03/1980 | Phó trưởng bộ môn |  | ThS | Bộ môn Hệ thống thông tin quản lý | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 85 | V.07.01.03 | Trần Thị Bích Hạnh | Nữ | 07/07/1976 |  |  | ThS | Bộ môn Hệ thống thông tin quản lý | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 86 | V.07.01.02 | Vũ Hưng Hải | Nam | 12/10/1965 |  |  | ThS | Bộ môn Hệ thống thông tin quản lý | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 87 | V.07.01.03 | Đàm Lan Nhi | Nữ | 30/04/1990 |  |  | ThS | Bộ môn Hệ thống thông tin quản lý | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 88 | V.07.01.02 | Nguyễn Thị Bạch Tuyết | Nữ | 13/03/1975 | Trưởng bộ môn |  | TS | Bộ môn Tin học kinh tế | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 89 | V.07.01.03 | Phạm Văn Minh | Nam | 13/12/1978 | Phó trưởng bộ môn |  | ThS | Bộ môn Tin học kinh tế | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 90 | V.07.01.03 | Phùng Tiến Hải | Nam | 26/12/1974 |  |  | ThS | Bộ môn Tin học kinh tế | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 91 | V.07.01.01 | Trần Thị Song Minh | Nữ | 14/12/1961 |  | PGS | TS | Bộ môn Tin học kinh tế | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 92 | V.07.01.03 | Phạm Văn Tuân | Nam | 04/04/1989 |  |  | ThS | Bộ môn Tin học kinh tế | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 93 | V.07.01.03 | Trần Thanh Hải | Nam | 17/11/1973 |  |  | ThS | Bộ môn Tin học kinh tế | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 94 | V.07.01.03 | Trần Dũng Khánh | Nam | 20/10/1984 |  |  | ThS | Bộ môn Tin học kinh tế | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |
| 95 | V.07.01.02 | Trịnh Hoài Sơn | Nam | 10/10/1978 | Giám đốc trung tâm |  | TS | Trung tâm Đào tạo và tư vấn Công nghệ thông tin | Viện Công nghệ thông tin và Kinh tế số |

Phụ lục 2:   
Danh mục ngành và chương trình đào tạo hiện nay   
của các đơn vị tham gia thành lập Trường Công nghệ

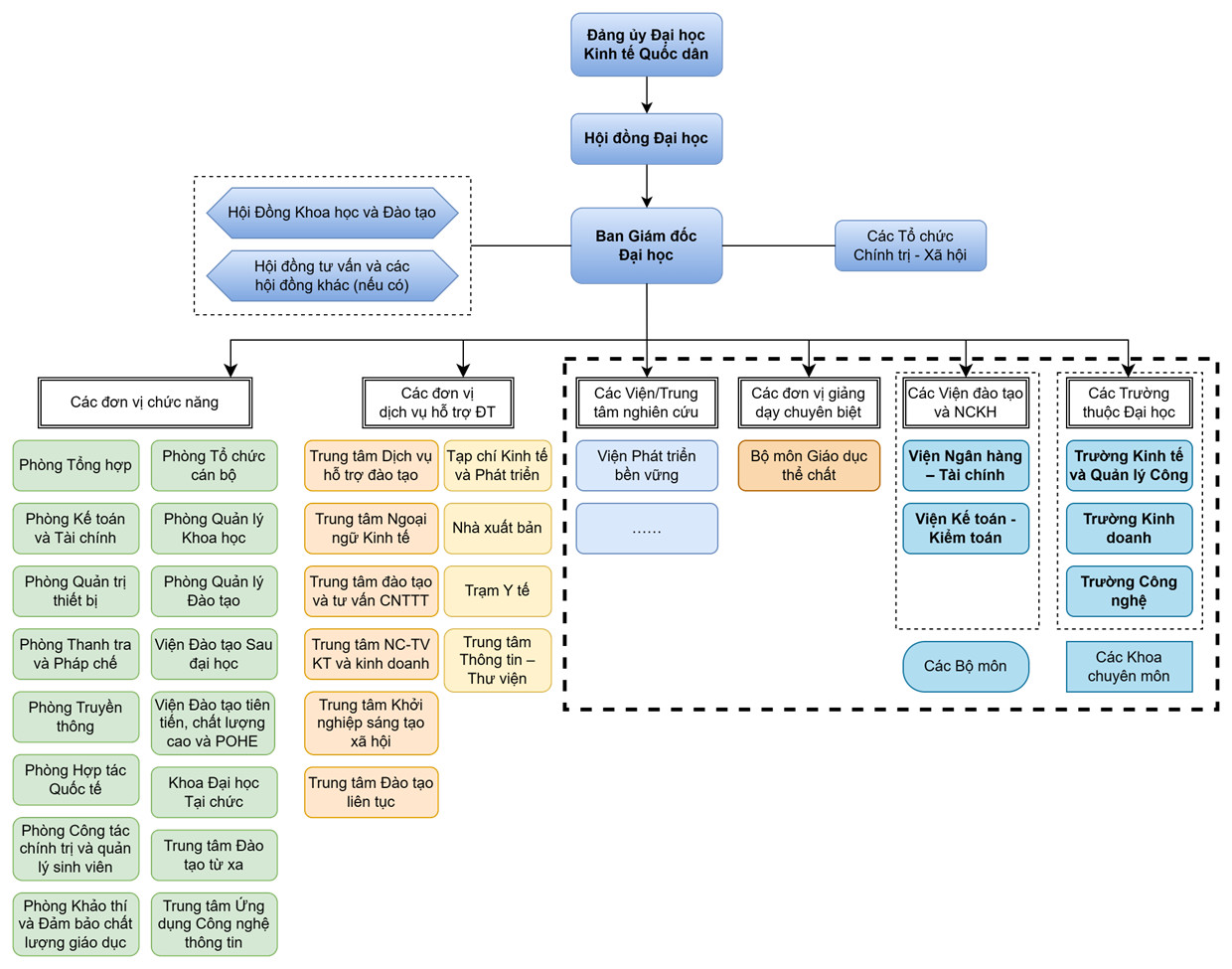
**1. Ngành đào tạo:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Khoa** | **Ngành** |
| **Đại học** | | |
| 1 | Khoa Toán Kinh tế | - Ngành Toán Kinh tế |
| 2 | Khoa Thống kê | - Ngành Thống kê Kinh tế |
| 3 | Viện CNTT&KTS | - Ngành Công nghệ thông tin  - Ngành Khoa học máy tính  - Ngành Hệ thống thông tin quản lý |
| **Thạc sĩ** | | |
| 1 | Khoa Toán Kinh tế | - Ngành Kinh tế học |
| 2 | Khoa Thống kê | - Ngành Kinh tế học |
| 3 | Viện CNTT&KTS | - Ngành Hệ thống thông tin quản lý |
| **Tiến sĩ** | | |
| 1 | Khoa Toán Kinh tế | - Ngành Kinh tế học |
| 2 | Khoa Thống kê | - Ngành Kinh tế học |
| 3 | Viện CNTT&KTS | - Ngành Hệ thống thông tin quản lý |

**2. Chương trình đào tạo:**

| **Stt** | **Khoa** | **Chương trình đào tạo** |
| --- | --- | --- |
| **Đại học** | | |
| 1 | Khoa Toán Kinh tế | Cử nhân Toán kinh tế  Cử nhân Khoa học dữ liệu trong KT&KD  Cử nhân Định phí bảo hiểm và quản trị rủi ro |
| 2 | Khoa Thống kê | Cử nhân Thống kê kinh tế |
| 3 | Viện CNTT&KTS | Cử nhân Công nghệ thông tin  Cử nhân Hệ thống thông tin quản lý  Cử nhân khoa học máy tính  Cử nhân Công nghệ thông tin và chuyển đổi số (CLC) |
| **Thạc sĩ** | | |
| 1 | Khoa Toán Kinh tế | Thạc sĩ Toán Kinh tế - Tài chính |
| 2 | Khoa Thống kê | Thạc sĩ Thống kê kinh tế |
| 3 | Viện CNTT&KTS | Thạc sĩ Hệ thống thông tin quản lý |
| **Tiến sĩ** | | |
| 1 | Khoa Toán Kinh tế | Tiến sĩ Toán Kinh tế |
| 2 | Khoa Thống kê | Tiến sĩ Thống kê kinh tế |
| 3 | Viện CNTT&KTS | Tiến sĩ Hệ thống thông tin quản lý |

Phụ lục 3: Trích lục Mô hình tổ chức Đại học Kinh tế Quốc dân



Phụ lục 4: Phân cấp tổ chức đào tạo của Đại học Kinh tế Quốc dân

# 

# Ký hiệu:

# Có 04 mức độ phân công là đề xuất, phê duyệt, thực hiện và nhận báo cáo và can thiệp khi thấy cần thiết. Trong bảng phân công này, sử dụng các ký hiệu 1; 2; 3; 4 có ý nghĩa như sau: (1) là Đề xuất; (2) là Phê duyệt; (3) là Thực hiện (4) là Nhận báo cáo và can thiệp khi thấy cần thiết.

# Nguyên tắc chung là cấp cao hơn sẽ có quyền quyết định cao hơn trong những trường hợp đặc biệt/ cần thiết

# 1. Đào tạo Đại học chính quy

| Hoạt động đào tạo | Khoa | Trường | Đại học |
| --- | --- | --- | --- |
| Tuyển sinh |  |  |  |
| Xác định chỉ tiêu tuyển sinh | 1 | 1 | 2 |
| Xác định đối tượng/ tiêu chí xét tuyển | 1 | 1 | 2 |
| Lựa chọn phương thức tuyển sinh | 1 | 1 | 2 |
| Kế hoạch tư vấn tuyển sinh, tuyển sinh | 1 | 1 | 2 |
| Thực hiện tư vấn tuyển sinh | 1; 3 | 1; 3 | 2; 3 |
| Hoạt động phối hợp tuyển sinh (với Bộ GDĐT và các CSĐT khác) | 1 | 1 | 3 |
| Quyết định trúng tuyển |  |  | 2 |
| Phân công giảng dạy |  |  |  |
| Xây dựng thời khóa biểu | 4 | 4 | 1; 2 |
| Tổ chức cho sinh viên đăng ký | 4 | 4 | 1; 2 |
| Phân công giảng viên giảng dậy | 1; 2; 3 | 4 | 4 |
| Theo dõi quá trình giảng dạy |  |  |  |
| Phân công cố vấn học tập | 1; 3 | 4 | 2, 4 |
| Quản lý lớp (lecture - seminar) | 1; 3 | 4 | 2, 4 |
| Thanh tra kiểm tra | 4 | 4 | 1; 2; 3 |
| Tổ chức thi (hết môn) |  |  |  |
| Xây dựng/ cập nhật ngân hàng đề thi | 1; 3 | 4 | 2, 4 |
| Quản lý ngân hàng đề thi | 4 | 4 | 3 |
| Lựa chọn phương thức thi (tự luận Vs multiple choice) | 1; 2; 3 | 4 | 4 |
| Xây dựng kế hoạch thi | 4 | 4 | 1; 3 |
| Tổ chức các buổi thi | 4 | 4 | 1; 3 |
| Chấm thi | 3 | 4 | 4 |
| Quản lý kết quả thi | 4 | 4 | 3 |
| Thực tập tốt nghiệp |  |  |  |
| Xây dựng/ cập nhật cơ sở dữ liệu về cơ sở thực tập | 3 | 4 | 4 |
| Quản lý cơ sở dữ liệu | 4 | 4 | 3 |
| Kế hoạch thực tập | 4 | 4 | 1; 2 |
| Triển khai kế hoạch thực tập | 1; 2; 3 | 4 | 4 |
| Phân công giảng viên hướng dẫn | 1; 2; 3 | 4 | 4 |
| Tổ chức bảo vệ/ chấm chuyên đề TTTN | 1; 2; 3 | 4 | 4 |
| Quản lý kết quả chấm cuyên đề TTTN | 4 | 4 | 3 |
| Xét tốt nghiệp |  |  |  |
| Rà soát kết quả của sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp |  | 3 | 2; 3 |
| Hội đồng xét tốt nghiệp |  | 1; 3 | 2; 4 |
| Quyết định công nhận tốt nghiệp |  |  | 2; 3 |
| In bằng tốt nghiệp và các phụ lục văn bằng (bảng điểm) |  |  | 3 |
| Ký bằng tốt nghiệp |  |  | 3 |
| Ký phụ lục văn bằng |  |  | 3 |
| Xây dựng môn học mới |  |  |  |
| Chủ trương xây dựng môn học mới | 1; 2; 3 | 4 | 4 |
| Biên soạn môn học mới | 1; 2; 3 | 4 | 4 |
| Phê duyệt môn học mới | 1; 3 | 4 | 2; 4 |
| Quyết định đưa vào giảng dạy môn học mới |  | 1; 3 | 2; 4 |
| Giảng dạy môn học mới | 1; 2; 3 | 4 | 4 |
| Cập nhật chương trình đào tạo |  |  |  |
| Xây dựng kế hoạch rà soát cập nhật | 1; 3 | 1; 3 | 2; 4 |
| Triển khai rà soát cập nhật | 3 | 4 | 4 |
| Nghiệm thu rà soát cập nhật | 4 | 2; 3 | 4 |
| Ban hành chương trình rà soát cập nhật | 4 | 4 | 2; 3 |
| Xây dựng chương trình đào tạo mới/ ngành mới |  |  |  |
| Chủ trương xây dựng chương trình đào tạo mới | 1 | 4 | 4 |
| Phê duyệt chủ trương xây dựng chương trình đào tạo mới | 4 | 4 | 2 |
| Triển khai xây dựng chương trình đào tạo mới | 3 | 4 | 4 |
| Nghiệm thu chương trình đào tạo mới |  |  | 3 |
| Ban hành chương trình đào tạo mới |  |  | 3 |
| Công tác giáo trình học liệu |  |  |  |
| Đề xuất kế hoạch biên soạn giáo trình học liệu | 1 | 4 | 4 |
| Phê duyệt kế hoạch biên soạn giáo trình học liệu |  | 2 | 4 |
| Triển khai biên soạn giáo trình học liệu | 3 | 4 | 4 |
| Nghiệm thu giáo trình học liệu | 4 | 3 | 4 |
| Công tác kiểm định/ xếp hạng |  |  |  |
| Công tác xếp hạng đại học | 4 | 4 | 1; 2; 3 |
| Đề xuất chủ trương kiểm định trường thành viên | 4 | 1 | 4 |
| Phê duyệt chủ trương kiểm định trường thành viên | 4 | 4 | 2 |
| Triển khai thực hiện kiểm định trường thành viên | 3 | 3 | 3 |
| Đề xuất kiểm định chương trình đào tạo | 1 | 4 | 4 |
| Phê duyệt chủ trương kiểm định chương trình đào tạo | 4 | 4 | 2 |
| Triển khai thực hiện kiểm định chương trình đào tạo | 3 | 3 | 3 |

# Đào tạo từ xa, VHVL, TTCLC&POHE, các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh và liên kết đào tạo quốc tế

# Trong trong giai đoạn trước mắt, đào tạo từ xa, VHVL (tại chức), đào tạo tiên tiến chất lượng cao & POHE, liên kết đào tạo quốc tế và các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh sẽ vẫn giữ nguyên cơ chế hoạt động như hiện nay.

# Sẽ xây dựng phương án và lộ trình để tập trung quản lý các chương trình đặc thù tại Viện Đào tạo tiên tiến chất lượng cao và pohe; các chương trình liên kết quốc tế tại Viện Đào tạo quốc tế.

# Lộ trình và kế hoạch nâng cao chất lượng và đổi mới cơ cấu tổ chức của đào tạo từ xa và VHVL cũng sẽ được xây dựng và triển khai thực hiện.

# 3. Đào tạo sau đại học (Thạc sỹ, Tiến sỹ)

# Về cơ bản, việc phân cấp thực hiện các hoạt động đào tạo trong đào tạo sau đại học giống như trong đào đại đại học. Tuy nhiên, trong dài hạn, Đại học sẽ phân cấp cho các trường thực hiện một số hoạt động đào tạo sau đại học hiện vẫn do Đại học thực hiện.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động đào tạo | Khoa | Trường | Đại học |
| Phân công hướng dẫn |  |  |  |
| Phân công hướng dẫn thạc sỹ | 1 | 4 | 2 |
| Phân công hướng dẫn NCS | 1 | 4 | 2 |
| Hội đồng chấm chuyên đề của NCS | 1 | 4 | 2 |
| Hội đồng chấm luận văn, luận án |  |  |  |
| Hội đồng chấm luận văn Ths | 1 | 4 | 2 |
| Quản lý kết quả chấm luận văn Ths |  |  | 3 |
| Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở | 1 | 4 | 2 |
| Lựa chọn và thực hiện phản biện độc lập | 1 |  | 2; 3 |
| Hội đồng chấm luận án cấp đại học | 1 | 4 | 2 |
| Quản lý kết quả chấm luận án cấp đại học |  |  | 3 |

Phụ lục 5: Phân cấp quản lý tài chính của Đại học Kinh tế Quốc dân

# Ký hiệu:

# Có 04 mức độ phân công là đề xuất, phê duyệt, thực hiện và nhận báo cáo và can thiệp khi thấy cần thiết. Trong bảng phân công này, sử dụng các ký hiệu 1; 2; 3; 4 có ý nghĩa như sau: (1) là Đề xuất; (2) là Phê duyệt; (3) là Thực hiện (4) là Nhận báo cáo và can thiệp khi thấy cần thiết.

# Nguyên tắc chung là cấp cao hơn sẽ có quyền quyết định cao hơn trong những trường hợp đặc biệt/ cần thiết

# Nguyên tắc:

# Nguyên tắc cơ bản: “tập trung thu, phân cấp chi”

# Đẩy mạnh phân cấp chi (theo lộ trình) để nâng cao tính chủ động sáng tạo của các đơn vị

# Đảm bảo tuân thủ các quy định phất luật hiện hành về quản lý tài chính cũng như các quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

| Nội dung chi | Khoa | Trường | Đại học |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiền lương và các khoản liên quan |  |  |  |
| Lương (mức năm 2023) theo vị trí việc làm |  |  | 2; 3 |
| Bảo hiểm xã hội, y tế, .. theo quy định |  |  | 2; 3 |
| Phúc lợi (Lễ, tết, bảo hiểm sức khỏe) |  |  | 2; 3 |
| Chi thêm ngoài lương từ ngân sách được phân bổ | 1; 3 | 2 | 4 |
| Chi giờ giảng và các khoản liên quan |  |  |  |
| Chi theo đơn giá giờ giảng (mức 2023) |  |  | 2; 3 |
| Chi các khoản liên quan đến đào tạo (hướng dẫn, biên soạn đề thi..) theo đơn giá năm 2023 |  |  | 2; 3 |
| Chi tăng thêm từ ngân sách được phân bổ | 1; 3 | 2 | 4 |
| Mua sắm trang thiết bị |  |  |  |
| Mua sắm theo kế hoạch được phê duyệt | 1 | 4 | 2; 3 |
| Mua sắm theo ngân sách được phân cấp | 1; 3 | 2 | 4 |
| Chi cho nghiên cứu khoa học |  |  |  |
| Chi theo kế hoạch hoạt động được phê duyệt | 1; 3 | 1; 3 | 2; 4 |
| Chi theo ngân sách được phân cấp | 1; 3 | 1; 3 | 2; 4 |
| Các khoản chi khác |  |  |  |
| Chi theo ngân sách được phân cấp | 1; 3 | 1; 3 | 2; 4 |

# Chú ý:

# Các khoa là đơn vị cơ sở đề xuất các hoạt động theo kế hoạch. Các trường tổng hợp đề xuất của các khoa trong trường. Các trường cũng có thể đề xuất các hoạt động chung cho cả trường. Đại học sẽ phê duyệt kế hoạch của các trường, trong đó bao gồm cả kế hoạch của các khoa.

# Đối với ngân sách được phân cấp, các trường và các khoa sẽ thực hiện chi tiêu tùy thuộc vào mục tiêu và yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị mình.

# Đại học có trách nhiệm hướng dẫn các trường phải các khoa thực hiện chi tiêu theo đúng quy định của các văn bản pháp luật hiện hành và các quy định chung của Đại học.

# 